

# TÓM LƯỢC VỀ KINH TẾ MỸ



Ấn phẩm của Chương trình Thông tin Quốc tế,  
Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 4/2011



*Một bến cảng ở New Jersey cho thấy tầm quan trọng ngày càng gia tăng của thương mại trong nền kinh tế Mỹ*

**Toàn văn ấn phẩm này có trên Internet tại địa chỉ:**

<http://photos.state.gov/libraries/vietnam/8616/ebook/USA-economy-in-brief.pdf> (tiếng Việt)

<http://iipdigital.usembassy.gov/iipdigital-en/publications.html> (tiếng Anh)



## Những thách thức

Tờ Wall Street Journal viết: "Toàn thế giới đâu đâu cũng nhận thấy sự hoảng loạn. Như thể một núi lửa đã phun trào tại New York, tạo ra một cơn sóng thủy triều khổng lồ quét qua tất cả các quốc gia trên địa cầu". Một trong những hậu quả là "sự tích lũy tiền nhàn rỗi tại các trung tâm ngân hàng". Sự kiện này xảy ra khi nào? Ngày 17 tháng 1 năm 1908.

Nước Mỹ phải hứng chịu cuộc khủng hoảng năm 1908, gọi là cuộc Đại suy thoái, cùng với các đợt suy thoái nhỏ khác, những cơn hoảng loạn và bong bóng; nhưng đất nước này đã vượt qua tất cả cùng với sự phục hồi sức mạnh kinh tế và sự nguyên vẹn của các thể chế chính trị dân chủ.



*Tổng thống Obama kiểm tra một máy phát điện được làm mát bằng khí hydro đang được sản xuất cho một nhà máy điện tại Kuwait bởi nhà máy của Công ty General Electric ở Thành phố Schenectady, bang New York.*

Người Mỹ xem nền kinh tế của mình như một thứ luôn đón nhận sự cạnh tranh, mời gọi sự phấn đấu và sáng tạo, trao thưởng rất hậu hĩnh cho những người chiến thắng và tạo tiếp cơ hội cho những ai chưa thành công. Mỹ đã có được một hệ thống kinh tế cực linh hoạt, có thể tạo ra nhiều như lựa chọn và cơ hội hơn bất kỳ nước nào khác, và là đất nước liên tục thể hiện khả năng phục hồi từ những sai lầm, điều chỉnh thích nghi với những cuộc suy thoái, chiến tranh, sự hoảng loạn về tài chính, và tạo được sức mạnh từ trong thử thách.

## **Phát triển kinh tế**

Nền kinh tế Mỹ đã biến đổi không còn nhận ra được trong hơn hai thế kỷ qua, nhưng vẫn duy trì một số đặc điểm như: là một thị trường cạnh tranh mạnh mẽ, luôn có những phát minh và sáng tạo, luôn có sự biến động về chính sách giữa việc tăng hay giảm điều tiết của chính phủ, giữa tăng hay giảm thuế quan bảo hộ hay các hàng rào bảo hộ khác, và thương mại ngày càng tự do hơn.

Với lãnh thổ trải rộng giữa hai đại dương, nước Mỹ được ban tặng nguồn tài nguyên thiên nhiên khổng lồ với một kho báu về rừng, bờ biển, đất trồng trọt phì nhiêu, sông, ngòi, hồ và các mỏ khoáng sản phong phú.

Tại thời điểm nước Mỹ giành độc lập, nền kinh tế Mỹ lệ thuộc rất nhiều vào việc xuất khẩu các tài nguyên này cũng như nhập khẩu nhiều sản phẩm cơ bản và hoàn thiện khác. Sau đó, ở thời kỳ công nghiệp hóa nhanh và thị trường nội địa phát triển sau Nội chiến, nước Mỹ phụ thuộc ít hơn vào mậu dịch. Kể từ sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai, xuất nhập khẩu lại đóng vai trò quan trọng.

Khi George Washington lên nắm quyền trở thành Tổng thống đầu tiên của nước Mỹ năm 1789, 80% người Mỹ sống nhờ nông nghiệp, chủ yếu tự sản tự tiêu, và Thành phố New York lớn nhất của Mỹ chỉ có 22.000 người cư trú.

Trong tám năm cầm quyền của Washington, đã xuất hiện hai phe phái chính trị đối lập. Tu tưởng của họ đã ảnh hưởng tới những cuộc tranh cãi về kinh tế Mỹ kể từ đó tới nay.



*Alexander Hamilton (người đang đứng trong ảnh) đấu tranh cho một đồng tiền mạnh.*

Một phe do Thomas Jefferson dẫn đầu, ông vốn là một chủ đồn điền ở Virginia và là người soạn thảo chính của bản Tuyên ngôn Độc lập. Phe này muốn nước Mỹ duy trì là một xã hội nông nghiệp với sự can thiệp tối thiểu của chính quyền.

Phe còn lại do Alexander Hamilton dẫn đầu, ông là một trong những phụ tá hàng đầu của Tướng Washington trong cuộc Chiến tranh Cách mạng chống lại thực dân Anh. Nhóm của ông tìm kiếm một chính quyền liên bang mạnh để thúc đẩy nền công nghiệp chế tạo của nước Mỹ thông qua sự hỗ trợ của Chính phủ về cải thiện cơ sở hạ tầng, thuế quan bảo hộ đối với các hàng hóa nhập khẩu, một đồng tiền mạnh và hệ thống ngân hàng trung ương.

Hiến pháp nước Mỹ, được phê chuẩn năm 1788, phác họa vai trò của Chính phủ Liên bang trong nền kinh tế. Dưới sự vận động của Hamilton, Hiến pháp cho phép chính phủ liên bang, mà không phải chính quyền các tiểu bang, quyền phát hành tiền. Mục tiêu của Hamilton là tạo ra một đồng tiền quốc gia mạnh cho một nền kinh tế đáng tin cậy.

Chính phủ liên bang được độc quyền cấp bằng phát minh sáng chế và quyền tác giả nhằm bảo vệ quyền lợi của những nhà sáng chế và tác giả.

Hiến pháp cấm áp đặt thuế quan đối với hàng hóa lưu thông giữa các tiểu bang. Nó cho phép chính phủ liên bang có toàn quyền điều tiết thương mại liên tiểu bang và áp đặt thuế quan đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài. Kỳ họp Quốc hội đầu tiên năm 1789 đã áp đặt thuế quan đầu tiên của nước Mỹ để tăng thu ngân sách và bảo hộ các nhà sản xuất thủy tinh, gốm sứ và các mặt hàng khác của Mỹ.

Thuế quan trở thành một vấn đề khu vực gây chia rẽ lâu dài. Các nhà sản xuất và tài chính ở các thành phố phía bắc ủng hộ thuế quan nhằm nâng giá hàng hoá nhập từ nước ngoài. Những người miền Nam chủ yếu ở nông thôn phản đối thuế quan gây tăng giá hàng hóa họ nhập khẩu từ châu Âu và khiến người châu Âu trả đũa bằng cách giảm nhập khẩu hàng hóa từ miền Nam nước Mỹ.

Người dân ở các tiểu bang mới gia nhập liên bang trở nên chia rẽ về vấn đề thuế quan. Họ không thích hàng nhập khẩu bị bán tăng giá, nhưng họ lại muốn chính phủ có nguồn thu ngân sách đầu tư cho kênh mương, đường xá và đường sắt.

Nhưng vấn đề gây chia rẽ nhiều nhất là chế độ nô lệ. Các tiểu bang miền Bắc, nơi nền kinh tế phụ thuộc vào sản xuất công nghiệp, đã dần xóa bỏ chế độ nô lệ, nhưng các chủ đồn điền giàu có miền Nam lại phụ thuộc vào nô lệ người Mỹ gốc Phi để thu hoạch thuốc lá, mía đường, gai dầu, và trên hết, là thu hoạch bông. Bông giá thấp cung cấp nguyên liệu thô cho các nhà máy dệt may ở miền Bắc Mỹ và Anh Quốc.

Chế độ nô lệ làm gia tăng các căng thẳng khu vực. Năm 1861, 11 tiểu bang miền Nam đã ly khai khỏi Mỹ và lập ra Hợp bang Hoa Kỳ. Cuộc Nội chiến (1861-1865) đã chấm dứt chế độ nô lệ tại Mỹ, và dẫn đến nhiều thay đổi khác.

Không còn sự phản đối từ các nhà lập pháp miền Nam, Quốc hội trong thời gian chiến tranh đã mở rộng quyền lực của Chính phủ liên bang, phê chuẩn hệ thống thuế quốc gia đầu tiên, phát hành một đồng tiền giấy quốc gia, tài trợ và cấp đất cho các trường đại học công và khởi công xây dựng tuyến đường sắt đầu tiên xuyên lục địa Bắc Mỹ.

Sau chiến tranh, nền kinh tế nông nghiệp của miền Nam thua trận đã chuyển đổi từ một hệ thống đồn điền sang một nền nông nghiệp thuê đất. Những nô lệ người Mỹ gốc Phi và những người da trắng nông thôn vẫn sống trong sự nghèo đói suốt gần một thế kỷ sau đó.

Trong khi đó, nền kinh tế công nghiệp và thương mại của miền Bắc thắng trận tiếp tục cuộc đại phát triển của mình. Tuyến đường sắt đầu tiên nối liền Đại Tây Dương với các bờ biển Thái Bình Dương, hoàn thành năm 1869, đã cho phép phát triển một nền kinh tế quốc gia thực sự, một nền kinh tế có thể giao thương bình đẳng với châu Âu và châu Á. Nhà sử học Louis Menand viết: "Nền kinh tế Mỹ sau Nội chiến đã được thúc đẩy bởi sự mở rộng của các tuyến đường sắt".

Trong suốt thế kỷ 19, các nhà phát minh Mỹ đã thay đổi cách thức người Mỹ làm việc. Trước Nội chiến, các sáng chế - như máy tua bột của Eli



*Công nhân kỷ niệm khánh thành tuyến đường sắt xuyên lục địa năm 1869 tại Đỉnh Promontory, bang Utah.*



Whitney, cày thép của John Deere và máy gặt hạt cơ giới hóa của Cyrus McCormick - đã giúp nâng cao năng suất nông nghiệp. Trong những thập kỷ sau chiến tranh, máy kéo hơi nước, máy cày nhiều lưỡi, ngô lai, toa xe chở hàng đường sắt có khoang lạnh, và hàng rào dây thép gai vây kín các vùng chăn thả tất cả đều xuất hiện. Từ năm 1800 đến năm 1890, thời gian cần thiết cho một nông dân sản xuất 100 giạ lúa mì đã giảm từ khoảng 300 giờ xuống còn khoảng 50 giờ.

Đến thập niên 1880, sản lượng công nghiệp và thương mại của Mỹ đã vượt sản lượng nông nghiệp về giá trị. Với sự hỗ trợ tài chính của châu Âu, các ngành công nghiệp mới và các tuyến đường sắt mới đã rầm rộ phát triển, thu hút lao động nhập cư đến các thành phố còn ngổn ngang phát triển của miền Bắc.

Thế kỷ 19 lại tiếp tục đưa tới nước Mỹ các phát minh và sáng chế đáng kinh ngạc, bao gồm điện báo của Samuel Morse, điện thoại của Alexander Graham Bell, bóng đèn điện và máy quay đĩa của Thomas Edison, cùng hệ



*Alexander Graham Bell đã thực hiện được cuộc gọi điện thoại đường dài đầu tiên năm 1892.*

thống phân phối điện đến nhà ở và doanh nghiệp. Đến đầu thế kỷ 20, sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành điện khắp đất Mỹ đã cung cấp năng lượng cho các nhà máy, thúc đẩy sản xuất tự động, chiếu sáng các văn phòng và nhà ở, chiếu sáng các cửa hàng bách hóa và rạp chiếu phim, đẩy thang máy trong các tòa nhà chọc trời và cung cấp năng lượng cho xe điện và tàu điện ngầm của thành phố.

Nền kinh tế công nghiệp mới không làm tất cả người Mỹ trở nên giàu có. Các nông dân mắc nợ ở miền Nam và miền Tây phải hứng chịu tén dụng thất chặt và giá cả hàng hóa giảm sút. Các cuộc suy thoái kinh tế nghiêm trọng tàn phá đời sống công nhân và các doanh nghiệp trong những năm của thập kỷ 1870 và một lần nữa trong những năm của thập kỷ 1890.

Những thay đổi được tạo ra bởi công nghiệp hóa và đô thị hóa đã làm thay đổi bộ mặt đất nước. Các tổ chức công đoàn lao động mọc lên khắp nơi. Trong những năm 1890, một chính đảng Vì Dân có thời gian tồn tại ngắn ngủi, tập trung sự giận dữ vào các nhà tài chính giàu có và các nhà công nghiệp, đã yêu cầu giảm lãi suất cho vay và thực hiện chính sách tiền tệ lạm phát để giúp những người mắc nợ trả được nợ bằng đồng đô-la giảm giá.

Vào đầu thế kỷ 20, một phong trào chính trị mang tên Chủ nghĩa Tiến bộ đã nhận được sự ủng hộ tham gia của những người thuộc cả hai chính đảng lớn, Đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa. Phong trào tiến bộ này phản ánh một ý thức ngày càng tăng trong người Mỹ rằng, như nhà sử học Carl Degler viết, "cộng đồng và cư dân của nó không còn kiểm soát số phận của chính mình nữa".

Những người tiến bộ đã sử dụng quyền lực của chính phủ để đại diện cho người dân chống lại các lợi ích của các nhà công nghiệp và tài chính đầy quyền uy. Tổng thống Theodore Roosevelt, một đảng viên đảng Cộng hòa, đã thực hiện mạnh mẽ luật chống độc quyền để phá vỡ sự tập trung quyền lực kinh tế vào ngành đường sắt, thịt bò, dầu và thuốc lá. Tổng thống Woodrow Wilson, một đảng viên đảng Dân chủ, đã tăng cường luật chống độc quyền và bắt đầu thu thuế thu nhập từ các tập đoàn và cá nhân giàu có. Năm 1913, Wilson cũng tiến hành lập Quỹ dự trữ liên bang, là ngân hàng trung ương đầu tiên của Mỹ có đặc quyền kể từ những năm 1830.



*Những người đói kém xếp hàng để xin cháo trong cuộc Đại suy thoái năm 1930.*

Thập kỷ 1920 chứng kiến sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của nước Mỹ và sự thịnh vượng cho nhiều người Mỹ, nhưng đồng thời cũng chứng kiến sự đầu cơ ngày càng tăng tại thị trường chứng khoán. Thập niên 1920 kết thúc với một sự sụp đổ của thị trường chứng khoán và sự khởi đầu của cuộc Đại suy thoái. Giá cả tụt mạnh, khiến các trang trại nông nghiệp, doanh nghiệp và các gia đình trở nên nghèo khó. Khoảng 40% các ngân hàng của Mỹ bị vỡ nợ, nhiều người gửi tiền ở các ngân hàng đã bị mất tiền tiết kiệm của mình.

Mỹ áp đặt các thuế trừng phạt đối với nhập khẩu, và các đối tác thương mại của Mỹ trả đũa tương tự, khiến sự suy thoái kinh tế lan rộng toàn thế giới. Tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ tiến đến sát mức 25%. Những thời điểm kinh tế khó khăn nhất đã tạo ra những năm tháng đầy bất ổn.

Cuộc bầu cử năm 1932 với sự trúng cử của Tổng thống Franklin D. Roosevelt và một Quốc hội được thống trị bởi đảng Dân chủ của ông đã cho phép thông qua một chương trình kinh tế "Mới". Roosevelt trấn an người Mỹ trong bài phát biểu nhậm chức của mình: "Điều duy nhất chúng ta phải sợ chính là bản thân sự sợ hãi". Khi nhậm chức, Roosevelt tạm thời đóng cửa tất cả các ngân hàng và vài ngày sau đó cho phép mở lại những ngân hàng có sức thanh toán, đủ mạnh để sống sót, và chấm dứt một cách có hiệu quả sự sụp đổ của hệ thống ngân hàng.

Là một người có tài ứng biến và thực dụng hơn là một nhà tư tưởng, Roosevelt đưa ra nhiều chương trình nhằm ngăn chặn cuộc khủng hoảng ngân hàng, tạo việc làm tại các cơ quan chính phủ cho những người thất nghiệp và nâng giá nông sản bằng cách giảm sản lượng. Hầu hết các sáng kiến này chỉ kéo dài một vài năm; tranh luận về hiệu quả của chúng vẫn tiếp tục cho đến ngày nay.



*Tổng thống Franklin Roosevelt ký thông qua luật thiết lập hệ thống lương hưu An sinh xã hội.*

Những sáng kiến "Mới" vẫn còn tiếp tục cho đến nay: một bộ luật về tiền lương tối thiểu, hệ thống lương hưu An sinh xã hội, các quy chế điều tiết ngân hàng, thị trường chứng khoán, và bảo hiểm có giới hạn của chính phủ chống lại các tổn thất tiền gửi ngân hàng của người tiêu dùng.

Roosevelt đã đưa chính quyền liên bang vào quản lý các hoạt động kinh tế vốn trước đây được coi là lĩnh vực của khu vực tư nhân. Một mô hình gây tranh cãi là việc thành lập Cơ quan Quản lý Thung lũng Tennessee vào năm 1933, một công ty của chính phủ được thành lập để kiểm soát lũ lụt và tạo ra năng lượng điện trong một khu vực nghèo khó của miền Nam.

Cuối cùng, nền kinh tế cũng có được sự phục hồi mạnh mẽ và bền vững khi ngành công nghiệp Mỹ vận động hỗ trợ cho sự tham gia của nước Mỹ vào Thế chiến thứ II tháng 12 năm 1941. Các nhà máy cung cấp trang thiết bị chiến tranh cho các lực lượng vũ trang của Mỹ và đồng minh ở cả châu Âu và các mặt trận Thái Bình Dương. Ngành công nghiệp ô tô Mỹ ngừng sản xuất xe cá nhân và thay vào đó là sản xuất xe tăng, riêng năm 1943, sản xuất được 30.000 chiếc.

Khi chiến tranh kết thúc, hầu hết nước châu Âu và châu Á bị tàn phá thì nước Mỹ lại một mình trở thành cường quốc kinh tế lớn nhất thế giới.

Nhưng các nhà hoạch định chính sách Mỹ hiểu rằng một trong những chìa khóa cho sự thịnh vượng lâu dài là một thế giới mà trong đó các nền kinh tế của các quốc gia khác cùng phát triển và lớn mạnh. Ảnh hưởng của Mỹ đã dẫn đến việc thành lập Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới vào năm 1944 để thúc đẩy một hệ thống tài chính toàn cầu cân bằng. Các nước giàu nhất trên thế giới sau đó đã đàm phán một Hiệp định chung về Thuế quan và



*Thị trấn Levittown, bang New York, là điển hình của sự phát triển khu ngoại ô được sản xuất hàng loạt sau Chiến tranh Thế giới thứ hai.*

Thương mại (GATT) nhằm giảm thuế nhập khẩu. Tổ chức Thương mại Thế giới đã kế thừa thành công GATT vào năm 1995.

Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, thương mại và tài chính quốc tế trở nên ngày càng quan trọng đối với nền kinh tế Mỹ. Đến thập kỷ 1950, giá trị sản lượng nông nghiệp và nhà máy đã bị vượt mặt bởi sản lượng các dịch vụ như bán buôn và bán lẻ, tài chính, bất động sản, y tế, pháp luật và giáo dục. Năm 2009, Mỹ đứng đầu thế giới về nhập khẩu và đứng thứ ba thế giới về xuất khẩu, đứng đầu về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.

Từ Chiến tranh Thế giới thứ hai đến năm 2007, người Mỹ trải qua một thời kỳ phát triển kinh tế và thịnh vượng chưa từng có, được thúc đẩy một phần bởi 76 triệu người Mỹ sinh ra trong "cuộc bùng nổ sinh đẻ" giai đoạn 1946-1964. Các cuộc suy thoái giai đoạn sau chiến tranh đến năm 2000 diễn ra tương đối ngắn và gây thiệt hại ít hơn cho cuộc sống của người Mỹ so với các cuộc suy thoái của những thời đại trước đó.

Năm 1965 Tổng thống Lyndon Johnson gây áp lực với Quốc hội để mở rộng mạnh mẽ mạng lưới an toàn xã hội bằng cách thông qua các chương trình bảo hiểm y tế Medicare và Medicaid của chính phủ cho người già và người nghèo. Quốc hội cũng thông qua một loạt các chương trình khác, nhiều chương trình chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, có mục tiêu xóa nghèo đói và tăng cường giáo dục, nhà ở.

Một vòng xoáy lạng phát bắt đầu vào thời kỳ cầm quyền của Tổng thống Johnson và trở nên tồi tệ hơn trong suốt những năm của thập niên 1970. Trong thời gian đó, Tổng thống Richard Nixon đã có một thời gian ngắn áp dụng các biện pháp kiểm



*Cuộc cách mạng số đã tiếp thêm sinh lực cho nền kinh tế Mỹ.*

soát tiền lương và giá cả của chính phủ trong một nỗ lực thất bại nhằm đẩy lùi lạm phát. Những cú sốc dầu lửa cho nền kinh tế Mỹ sau Chiến tranh Ả Rập-Israel năm 1973 và cuộc cách mạng Hồi giáo 1979 ở Iran đã góp phần khiến nền kinh tế Mỹ trở nên trì trệ. Cuộc lạm phát không kết thúc cho đến khi Cục dự trữ liên bang Mỹ tăng lãi suất mạnh vào năm 1981-1982, gây ra một cuộc suy thoái.

Cắt giảm thuế và bãi bỏ các quy định quản chế kinh doanh mà Tổng thống Ronald Reagan theo đuổi trong thập kỷ 1980 đánh dấu sự trở lại của tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và sự tăng giá cổ phiếu trong một thời gian dài. Tuy vậy, những chính sách này cũng đánh dấu sự khởi đầu tình trạng leo thang kéo dài nợ chính phủ liên bang. Thời kỳ này cũng chứng kiến khoảng cách thu nhập ngày càng lớn giữa những người Mỹ giàu có và phần còn lại của dân chúng.

Các doanh nhân tại California bắt đầu ứng dụng công nghệ máy tính mới. Công nghệ này tạo ra thị trường tiêu dùng mới trong và ngoài nước, và tiếp thêm sức sống cho nền kinh tế. Nguyên liệu bán dẫn đã mang đến cho Trung tâm cải tiến điện toán của California cái tên Thung lũng Silicon.

Thập niên 1990 (giống như thập niên 1920) đã chứng kiến sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Mỹ, sự thịnh vượng gia tăng và ngày càng nhiều đầu cơ tại thị trường chứng khoán. Khi quả bóng bóng "dot com" nổ xẹp vào năm 2000, thị trường chứng khoán đã sụp đổ theo và nền kinh tế trải qua một cuộc suy thoái ngắn.



*Steve Jobs, Giám đốc điều hành hãng Apple, giới thiệu điện thoại iPhone. Apple là một trong những công ty nổi tiếng nhất ở Thung lũng Silicon.*

Vào thập kỷ đầu của thế kỷ 21, Mỹ tham gia vào các cuộc chiến tranh tốn kém ở Afghanistan và Iraq. Trong khi đó, chi phí chăm sóc y tế cho người Mỹ tăng lên nhanh chóng, thâm vào ngân sách của liên bang, tiểu bang và chính quyền các địa phương. Nợ chính phủ liên bang, đã ở mức 3,4 nghìn tỷ đô-la năm 2000, lên sát mốc 14 nghìn tỷ đô-la năm 2011, trong đó, tỷ lệ nợ nước ngoài ngày càng lớn.

Sau cuộc suy thoái của nền kinh tế dot-com, một bong bóng đầu cơ khác lại nổ ra, quả bong bóng này được tạo ra bởi sự duy trì lãi suất thấp kéo dài làm méo mó thị trường bất động sản và thế chấp nhà của Mỹ. Thị trường nhà xây dựng thái quá đã sụp đổ vào năm 2007, tiếp theo đó vào năm 2008 là cuộc khủng hoảng tài chính lan rộng toàn thế giới. Lần đầu tiên kể từ cuộc Đại suy thoái, thất nghiệp của Mỹ leo lên tới 10% trong năm 2009, mãi tới tháng 3 năm 2011 mới giảm chút ít xuống còn 8,8%.

Chính quyền các tiểu bang Mỹ và các nước phát triển khác đã thực hiện nhiều biện pháp bất thường để chống lại cuộc khủng hoảng. Lãi suất đã hạ xuống gần bằng không, và tiền lại được vay nhiều hơn để hỗ trợ cho các dự án kích thích kinh tế và nâng đỡ các ngân hàng ốm yếu cùng các ngành công nghiệp then chốt. Lý luận ở chỗ: phải chi tiêu ở mức cần thiết để ngăn chặn một cuộc Đại suy thoái mới và trả nợ cho các chủ nợ khi nền kinh tế đã phục hồi tăng trưởng. Cuộc suy thoái đó chính thức bắt đầu từ tháng 12 năm 2007 kéo dài tới tháng 6 năm 2009, nhưng tình trạng thất nghiệp cao vẫn tiếp tục tồn tại trong khi kinh tế phục hồi một cách chậm chạp.

Mặc dù vậy, nền kinh tế Mỹ vẫn lớn nhất thế giới và tỷ lệ sản lượng kinh tế trên đầu người vẫn là cao nhất trong các nền kinh tế lớn của G-20. Cả hai số liệu này chứng minh khả năng phục hồi của nền kinh tế Mỹ và khả năng duy trì sản xuất ngay cả trong những thời kỳ tương đối khó khăn.



## Sản phẩm của nền kinh tế

Ngày nay, nền kinh tế Mỹ đang ở giữa cuộc chuyển đổi cấp tiến lần hai, sau một cuộc chuyển đổi ở thế kỷ 19 từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp và một cuộc chuyển đổi thế kỷ 20 từ nền kinh tế công nghiệp sang dịch vụ và công nghệ thông tin, một sự đổi thay diễn ra liên tục và ngày càng nhanh chóng vào thập niên đầu của thế kỷ 21.

Tuy nhiên, Mỹ vẫn là nước sản xuất ra các hàng hóa nông nghiệp và nhà máy nhiều hơn phần lớn các nước khác, ngay cả khi tỷ lệ công nhân làm việc trong các ngành này giảm xuống.

Trong cuộc suy thoái năm 2009, nền kinh tế Mỹ, tính theo tổng sản phẩm quốc nội thực tế (sau khi đã điều chỉnh theo lạm phát) (GDP), đạt 14,3 nghìn tỷ đô-la Mỹ. Mặc dù điều này phản ánh sự sụt giảm 2,4% so với năm 2008, GDP của Mỹ vẫn lớn hơn Trung Quốc, nền kinh tế lớn nhất sau mình, tới hơn 30% (tính theo sức mua của hai đồng tiền hai nước, không phải bằng tỷ giá hối đoái chính thức).

Cụ thể như sau:

- 10,1 nghìn tỷ đô-la chi tiêu cá nhân của người tiêu dùng,
- cộng với 1,6 nghìn tỷ đô-la đầu tư tư nhân vào nhà ở và các doanh nghiệp,
- cộng với 2,9 nghìn tỷ của các chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương,
- trừ đi 392,4 tỷ đô-la thâm hụt quốc tế (chủ yếu do nhập siêu).

Đánh giá GDP từ góc nhìn sản xuất hàng hóa và dịch vụ, riêng ngành công nghiệp chiếm 86,4% giá trị gia tăng năm 2009, và các cấp ngành khác của chính phủ chiếm phần còn lại.

Sản xuất hàng hóa của khu vực tư nhân chiếm 19,6% GDP như sau:

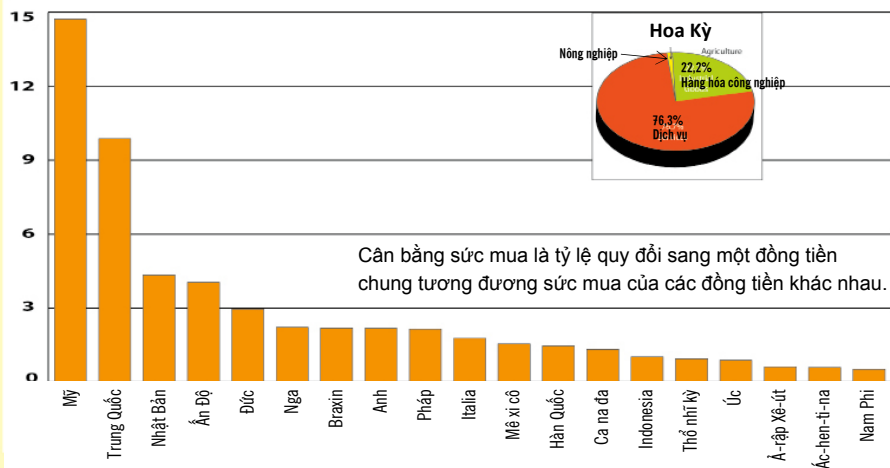
- Sản xuất công nghiệp: 11%.
- Xây dựng: 4,1%.
- Dịch vụ tiện ích: 1,9%.
- Khai thác mỏ: 1,6%.
- Nông nghiệp, lâm nghiệp, đánh cá và săn bắn: 1,0%.

Sản lượng dịch vụ của khu vực tư nhân chiếm 66,8% GDP:

- Bất động sản: 13,0%.
- Các dịch vụ chuyên nghiệp và doanh nghiệp: 12,1%.
- Tài chính và bảo hiểm: 8,4%.
- Chăm sóc y tế và hỗ trợ xã hội: 7,3%.
- Bán lẻ: 5,9%.
- Bán buôn: 5,6%.
- Thông tin (bao gồm cả phát thanh truyền hình và viễn thông, xuất bản, phim ảnh, bản ghi âm, và xử lý dữ liệu): 4,4%.
- Các dịch vụ nhà ở và lương thực: 2,9%.
- Giao thông vận tải và kho bãi: 2,8%.
- Giáo dục tư nhân: 1,1%.
- Nghệ thuật, giải trí trực tiếp, và vui chơi: 1,0%.
- Các dịch vụ tư nhân khác: 2,5%.

### GDP của các nền kinh tế G-20 năm 2010

đơn vị tính: Nghìn tỷ đô-la Mỹ, tính theo cân bằng sức mua



Nguồn: CIA World Factbook

Chính quyền các tiểu bang tạo ra chủ yếu là dịch vụ, trong đó có cơ sở hạ tầng, mà không tạo ra nhiều hàng hoá. Chính phủ liên bang tạo ra 4,4% GDP, và chính quyền các tiểu bang và địa phương tạo ra 9,2%, bao gồm giáo dục công cộng.

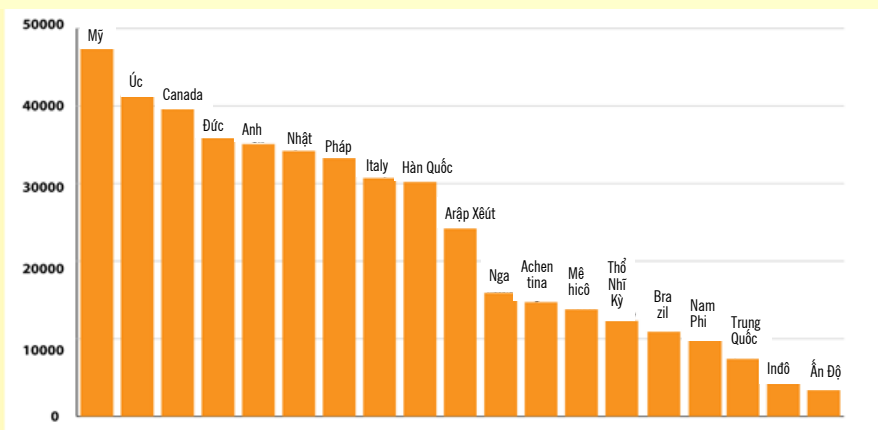
Tỷ trọng nông nghiệp của nền kinh tế Mỹ liên tục giảm trong nhiều thế kỷ. Nông dân và công nhân trang trại, chiếm khoảng 72% lực lượng lao động vào năm 1810, thì lại chỉ chiếm chưa đầy 2% vào năm 2010. Một khảo sát năm 2007 đã đếm được 2.204.792 trang trại tại Mỹ. Trong số này có 125.000 trang trại lớn, chiếm 75% sản lượng nông nghiệp (tính theo doanh thu).

Mỹ vẫn là nước sản xuất ra nhiều cây trồng và vật nuôi thứ hai thế giới, chỉ đứng sau Trung Quốc, đứng trước Ấn Độ, Bra-xin và Nga. Các mặt hàng nông nghiệp hàng đầu của Mỹ năm 2009 là gia súc: 43,8 tỷ đô-la; ngô: 42 tỷ đô-la; đậu nành: 31 tỷ đô-la, sản phẩm sữa: 24,3 tỷ đô-la; và gà thịt: 21,8 tỷ đô-la.

Tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế Mỹ đạt đỉnh vào năm 1953, chiếm khoảng 28% và sau đó giảm xuống còn 11% vào năm 2009, nhưng tỷ trọng giá trị gia tăng toàn cầu của ngành công nghiệp Mỹ - phần chênh lệch

### GDP tính theo đầu người của các nền kinh tế G-20, năm 2010

Tính theo cân bằng sức mua quy đổi theo đồng đô-la Mỹ



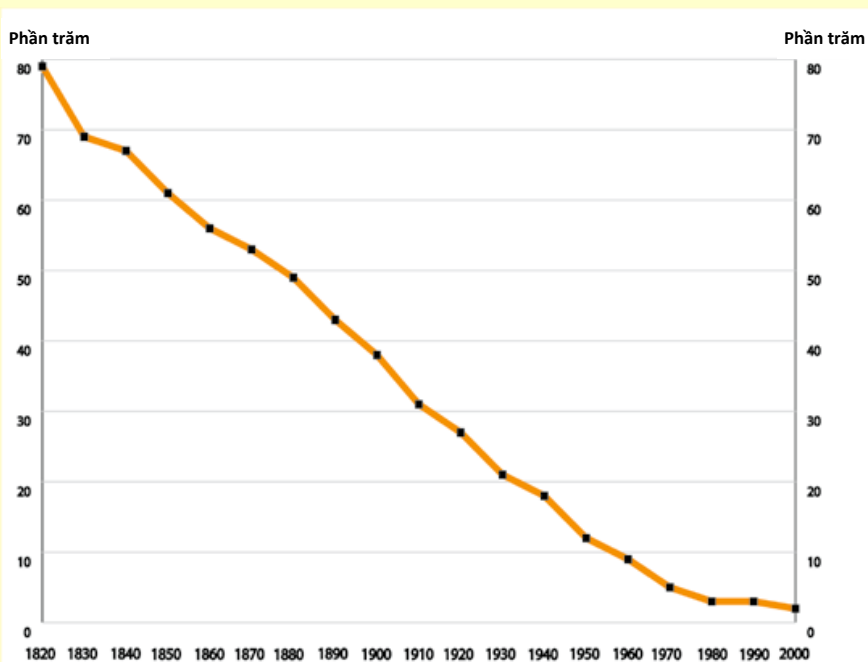
Nguồn: CIA World Factbook

giữa giá bán cuối cùng của tất cả các hàng hóa được sản xuất từ các nhà máy và chi phí sản xuất các hàng hóa này - đã giảm chút ít so với mức 22 phần trăm của năm 1980.

Vào năm 2008, bốn ngành lớn nhất của Mỹ - hóa chất, máy tính và các sản phẩm điện tử, sản phẩm kim loại tiền chế và thực phẩm - chiếm 44% sản lượng từ các nhà máy của Mỹ.

Sự gia tăng năng suất cho phép giảm số lượng các nhà máy và công nhân làm việc tại các nhà máy mà vẫn duy trì được mức sản lượng công nghiệp của Mỹ. Hiện nay, tính theo đầu công nhân thì sản lượng một công nhân công nghiệp sản xuất ra gấp ba lần so với đầu thập niên 1970 và khoảng 2 lần so với giữa thập niên 1980. Ngày nay, công nhân nhà máy chiếm 8% lực lượng lao động Mỹ so với 26% năm 1953.

### Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong lực lượng lao động Mỹ



Nguồn: Cục Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia, Bộ Nông nghiệp Mỹ

Nền công nghiệp sản xuất của Mỹ từ lâu đã phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các nền kinh tế công nghiệp hóa châu Âu và Nhật Bản và bây giờ phải đối mặt với những thách thức nhiều hơn từ các nền kinh tế đang nổi lên nhanh chóng.

Mỹ vẫn là nước sản xuất hàng hóa nhà máy đứng đầu thế giới (tính theo giá trị gia tăng) vào năm 2009, trước Trung Quốc, nhưng theo dự đoán của công ty dự báo kinh tế IHS Global Insight, Trung Quốc sẽ vượt Mỹ trong một vài năm nữa.

Tuy nhiên, công ty này cũng nói thêm rằng, trong khi Trung Quốc vượt trội về sản xuất các hàng hóa tiêu dùng tương đối thấp về mặt công nghệ như may mặc, dệt và các thiết bị gia dụng thì Mỹ lại chuyên về các sản phẩm công nghệ cao như máy bay, máy công cụ, thiết bị y tế và các thiết bị truyền thông điện tử.

Các nhà sản xuất Mỹ đã phản ứng với sự cạnh tranh và chi phí lao động ngày càng tăng cao bằng các chiến lược như di chuyển một số hoạt động ra nước ngoài, mua các chi tiết và linh kiện từ nước ngoài và tập trung



*Công ty sản xuất máy bay Boeing là một trong những nhà sản xuất công nghiệp lớn nhất nước Mỹ.*

vào các sản phẩm cho giá trị cao hơn với lợi thế cạnh tranh thuộc về sự đổi mới.

Từ thập niên 1950, lĩnh vực dịch vụ đã thống trị nền kinh tế Mỹ. Ngay cả sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2009, bảo hiểm, tài chính và bất động sản vẫn chiếm hơn 21% GDP. Năm 2009, trong toàn bộ lực lượng lao động toàn và bán thời của Mỹ là 137 triệu người thì riêng các ngành sản xuất hàng hóa của tư nhân đã sử dụng tới 15% việc làm; các ngành sản xuất dịch vụ tư nhân chiếm 67%, và 18% còn lại là của chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương.

Trung bình, công nhân Mỹ tạo ra 43.460 đô-la tiền lương vào năm 2009. Nông dân và chủ trang trại kiếm được trung bình khoảng 42.710 đô-la Mỹ tiền lương; kỹ sư phần cứng máy tính, 101.410 đô-la; giáo viên tiểu học, 53.150 đô-la, bác sĩ phẫu thuật, 219.770 đô-la; nhân viên an ninh, 26.430 đô-la; thợ cắt tóc và làm đầu, khoảng 27.000 đô-la; luật sư, 129.020 đô-la; thủ quỹ, 19.030 đô-la; lái xe tải, 39.260 đô-la, và người mẫu, 36.420 đô-la.



*Các hãng bán lẻ như cửa hàng Best Buy ở Los Angeles này là các nhà cung cấp dịch vụ thống trị nền kinh tế trong nhiều thập kỷ.*

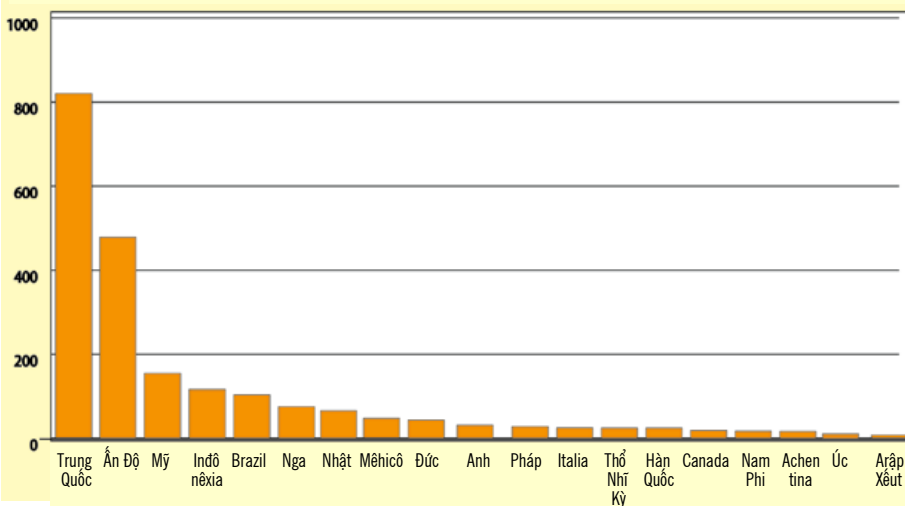
Ngày nay, thu nhập tại Mỹ được phân phối ít đồng đều hơn sơ với các nước công nghiệp lớn khác. Các hộ gia đình với 5% số người có thu nhập cao nhất chiếm 21,5% toàn bộ thu nhập năm 2009, trong khi 20% số người có thu nhập thấp nhất lại chỉ được 3,4 phần trăm.

Cuốn CIA World Factbook nhận xét: "Sự tham gia của công nghệ là nguyên nhân chủ yếu cho sự phát triển dần dần của một thị trường lao động hai tầng, trong đó tầng dưới gồm những người ít được học hành và thiếu những kỹ năng chuyên nghiệp/kỹ thuật của những người ở tầng trên, và càng ngày càng không kiếm được số tiền lương, bảo hiểm y tế và các lợi ích khác như họ. Từ năm 1975 đến nay, thực tế là toàn bộ thu nhập của các hộ gia đình đã nằm trong tay của 20% các hộ gia đình lớp trên".

Các nhà lãnh đạo chính trị đang vật lộn để tìm ra được những cách tốt nhất để phát triển một lực lượng lao động được giáo dục tốt hơn, có thể phát triển tốt tại thị trường lao động hiện hành.

### Lực lượng lao động các nền kinh tế G-20 năm 2010

ĐVT: Triệu công nhân



Nguồn: CIA World Factbook

## Cạnh tranh

Joseph Schumpeter, nhà kinh tế học gốc Áo, đặt ra thuật ngữ "sự hủy diệt sáng tạo" vào năm 1942 để mô tả các lực lượng hỗn loạn của sự đổi mới và cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Những "cơn bão không ngừng" của thị trường làm tiêu hủy các công ty làm ăn thất bát hoặc kém cỏi, mở đường cho các công ty mới, các sản phẩm mới và quy trình mới.

Bởi vì những người chiến thắng trong nền kinh tế đã cơ bản vượt xa số người thua cuộc, nên sự cạnh tranh liên tục vẫn là một đặc tính của nền kinh tế Mỹ. Một trong những lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất của nước Mỹ là sự sẵn sàng khuyến khích và chào đón - và đôi khi chịu đựng - sự thay đổi.

Việc làm, các công ty - và thậm chí toàn bộ ngành công nghiệp - có thể xuất hiện hôm nay và rồi lại ra đi vào ngày mai. Các thành phố và toàn bộ khu vực mở rộng hơn, và nếu không thể điều chỉnh để phù hợp với sự thay đổi, sẽ lại bị thu nhỏ lại. Trong nhiều thập kỷ, các thành phố công nghiệp hóa tại "Vành đai gỉ" của vùng Đông Bắc và Trung Tây và một số tiểu bang nông nghiệp ở Great Plains bị "Vành đai mặt trời" ở miền Nam và



*Nhà sản xuất rèm này ở California là tiêu biểu cho các doanh nghiệp nhỏ thúc đẩy cạnh tranh kinh tế và đổi mới.*



Tây thu hút mất cư dân, cũng như bị các vùng khác của nước Mỹ thu hút mất. Ngày nay, California, Nevada, Florida và các tiểu bang "Vành đai mặt trời", những nơi đang phải chịu cuộc khủng hoảng thừa nhà ở, lại đang lâm vào cảnh bị mất cư dân.

Sự thay đổi của nền kinh tế diễn ra dễ dàng nhất trong các doanh nghiệp nhỏ, những doanh nghiệp có ít hơn 500 nhân viên.

Những người nước ngoài thường đánh đồng nền kinh tế Mỹ với các tập đoàn lớn nhất của nó. Nhưng họ sẽ ngạc nhiên bởi vai trò cực kỳ quan trọng của các doanh nghiệp nhỏ. Các chủ cửa hàng và doanh nghiệp nhỏ chiếm hơn một nửa sản lượng kinh tế phi nông nghiệp của khu vực tư nhân và lực lượng lao động của nền kinh tế này.

Nhiều doanh nghiệp bán lẻ nhỏ đứng cạnh tranh với các dây chuyền bán lẻ quốc gia có doanh thu lên tới hàng tỷ đô-la và có hàng ngàn nhân viên.



*Các doanh nghiệp nhỏ như cửa hàng này ở Massachusetts chiếm hơn một nửa sản lượng kinh tế của nước Mỹ.*

Nhiều doanh nghiệp nhỏ khác lại cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho các công ty lớn này.

Các doanh nghiệp nhỏ chiếm đa số việc làm mới của Mỹ, đặc biệt khi các nhà sản xuất lớn tiếp tục cắt giảm việc làm trước sự cạnh tranh toàn cầu gay gắt. Ví dụ, vào năm 2005, số lượng việc làm trong các doanh nghiệp nhỏ tăng 979.000 so với năm trước trong khi các công ty lớn hơn chỉ tạo thêm được 262.000 việc làm mới.

Các doanh nhân Mỹ vẫn muốn chấp nhận rủi ro để khởi sự các doanh nghiệp nhỏ, bất chấp khả năng bị thất bại. Năm 2008, có 43.546 công ty Mỹ đệ đơn xin phá sản.

Một lý do rất dễ hiểu tại sao nhiều người Mỹ lại chọn con đường này: đó là sự khá dễ dàng để bắt đầu một doanh nghiệp nhỏ. Ngân hàng Thế giới xếp hạng Mỹ là nền kinh tế số 4 trong số 183 nền kinh tế dễ dàng khởi sự một doanh nghiệp.



*Công ty chuyển phát nhanh FedEx khởi nghiệp là một công ty nhỏ. Ngày nay công ty này có hơn 275.000 công nhân.*

Khởi sự một doanh nghiệp ở Mỹ tương đối dễ - và cũng dễ dàng khi khởi sự lại nếu thất bại ở lần trước. Nhà triết học Erich Fromm cho rằng "sự tự do thất bại" là điều cần thiết để tự do toàn bộ, và câu châm ngôn này thường được trích dẫn như là một nguyên lý cơ bản của đời sống kinh tế Mỹ. Sự thất bại trong kinh doanh không dẫn tới sự kỳ thị xã hội ở Mỹ như một số nước khác. Trong thực tế, sự thất bại thường được xem như là một kinh nghiệm học tập có giá trị cho các doanh nhân, những người có thể thành công sau đó.

Luật phá sản Mỹ có những quy định để điều chỉnh sự thất bại trong kinh doanh. Quốc hội Mỹ đã cố gắng để có sự cân bằng nhằm khôi phục nhiều nhất phần tài sản của một công ty bị phá sản cho các chủ nợ đồng thời cung cấp sự bảo hộ tài chính có thể cho phép các doanh nhân khởi nghiệp lại từ đầu.

Một doanh nghiệp nhỏ không thể trả được nợ sẽ phải trải qua một quá trình gọi là thanh lý, bán tất cả tài sản để trả những gì nó có thể cho các chủ nợ của nó. Một số khoản nợ được ưu tiên trả trước so với các khoản khác, và tòa án phá sản sẽ chỉ định ra một viên quản tài để đảm bảo rằng



*Những cửa hàng tạp hóa như Andronico's Market ở San Francisco thường phải chịu sự cạnh tranh khốc liệt.*

quá trình này tuân thủ đúng quy tắc. Ngân hàng và những người cho vay có bảo đảm khác được đặt ở mức ưu tiên cao trong danh sách được trả nợ, cũng như lương công nhân. Nếu doanh nghiệp là một công ty nhỏ, các cổ đông - người chấp nhận rủi ro để đổi lấy phần lợi ích tiềm năng - là những người được ưu tiên thấp nhất trong danh sách trả nợ và thường không nhận được gì khi doanh nghiệp đóng cửa.

Các công ty lớn bị vỡ nợ có thể chọn cái được gọi là một quá trình phá sản theo Chương 11, cho phép một công ty tiếp tục kinh doanh trong khi cố gắng phục hồi. Nếu công ty vẫn có giá trị tài sản hoặc tiền mặt thu được - và nếu cuộc khủng hoảng của công ty dường như chỉ mang tính tạm thời - các chủ nợ có thể bước đầu chọn nhận ít hơn phần tiền mà họ yêu cầu để cho phép công ty tồn tại và tiếp tục trả nợ. Trong trường hợp này cũng vậy, các cổ đông có thể bị mất khoản đầu tư của họ, nhưng doanh nghiệp có thể tồn tại.

Luật phá sản cũng cho phép các cá nhân và gia đình thoát khỏi các khoản nợ quá lớn và bắt đầu lại, mặc dù ở nhiều tiểu bang, họ có thể phải mất cả nhà cửa để trả nợ. Lối thoát này rất quan trọng với một số người.



*Từ năm 2002 tới 2007, số doanh nghiệp ở Mỹ của người Mỹ gốc Phi đã tăng 60,5%, giúp tăng 22% số việc làm.*

Sự hủy diệt sáng tạo của Schumpeter được thể hiện rõ tại phần đỉnh chóp của nền kinh tế trong sự thăng trầm của những công ty lớn nhất và mạnh nhất của Mỹ. Danh sách 500 công ty đứng đầu của Mỹ do tạp chí Fortune lập theo doanh thu đã đưa ra một ví dụ: Năm 2009, Wal-Mart, với doanh thu 408 tỉ đô-la, đã vượt hãng Exxon Mobil có doanh thu đứng đầu năm trước là 285 tỉ đô-la khi giá cả hàng hóa giảm. Cùng năm đó, sự sụt giảm về doanh số bán ô tô của General Motors đã khiến hãng này rơi từ hạng 6 xuống hạng 15.

Trong số 12 công ty mà Dow Jones liệt kê vào năm 1896 khi tờ báo này thiết lập ra chỉ số chứng khoán nổi tiếng của mình để đại diện cho ngành công nghiệp Mỹ, chỉ có một công ty là General Electric vẫn còn được liệt kê trong 30 công ty ở danh sách hiện tại. Các công ty khác đã biến mất khỏi danh sách chỉ số vì đã được mua lại bởi các công ty khác, bị phân chia thành các công ty nhỏ hơn, trở thành các công ty nhỏ hơn trong nền kinh tế, hoặc đơn giản là đã phá sản. Một số công ty thế chân các công ty này là những công ty khởi sự từ doanh nghiệp nhỏ.

Cạnh tranh là thứ không thể thiếu của văn hóa Mỹ. Nhà sử học Walter A. McDougall nói: "Không nơi nào khác mà sự thay đổi lại diễn ra chóng vánh tới vậy. Nước Mỹ không chỉ sinh ra từ cuộc cách mạng, mà bản thân nó là một cuộc cách mạng".

## **Địa lý, cơ sở hạ tầng**

Người Mỹ có thể đóng gói đồ đạc và chuyển sang sinh sống làm ăn tại các vùng khác nhau của nước Mỹ một cách tự do và khá dễ dàng. Vào năm 2009, gần 2 triệu người Mỹ di chuyển từ vùng này sang vùng khác của đất nước. Lớn nhất, khoảng 738.000 người, là số người đã di chuyển từ các vùng khác vào miền Nam, nhưng cũng có khoảng 591.000 người di chuyển ra khỏi miền Nam đến miền Trung Tây, Tây và Đông Bắc.

Vẫn tồn tại các khu vực khác nhau với những bản sắc và đặc tính khác biệt: New England, vùng giữa Đại Tây Dương từ New York đến Washington DC, các tiểu bang công nghiệp xung quanh Great Lakes, miền Nam với di sản lịch sử của nó và sự năng động kinh tế mới, các vựa lúa mì của vùng

nông nghiệp từ vùng Trung Tây đến Great Plains, vùng hoang dã ít người sinh sống và vùng sa mạc dọc dãy Rocky Mountains, sự tập trung cao của người gốc Tây Ban Nha ở bang Texas và Tây Nam, mũi Nam của Florida cùng các mối liên hệ với vùng Caribbê, Tây Bắc Thái Bình Dương. Các tiểu bang California, Alaska và Hawaii là các vùng riêng biệt theo nhiều khía cạnh.

Trong hệ thống chính quyền liên bang của Mỹ, các tiểu bang đặt ra nhiều luật lệ và chính sách có ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế.

Trong một trường hợp do Tòa án Tối cao Mỹ ra quyết định năm 1932, Thẩm phán Louis Brandeis đã viết những lời khen ngợi về các thông lệ khác nhau giữa các nơi ở nước Mỹ.

Brandeis nói: "Đó là một trong những sự cố hạnh phúc của hệ thống liên bang khi mà một tiểu bang đơn độc có thể can đảm, nếu công dân của mình lựa chọn, thực hiện các thí nghiệm và thử nghiệm xã hội và kinh tế mới mà không tạo ra rủi ro đối với phần còn lại của đất nước". Các tiểu bang luôn là các phòng thí nghiệm cho sự đổi mới chính sách.

Kể cả khi người Mỹ di cư sinh sống ở các vùng khác nhau, và khi sự nhập cư, nguồn tài nguyên và văn hóa xác lập sự khác biệt vùng miền thì các lực lượng khác của nền kinh tế và văn hóa vẫn kết hợp để phá vỡ các rào cản vùng miền và hội nhập các nền kinh tế vùng miền của đất nước với nhau. Những lực lượng này gồm một đồng tiền chung, một hệ thống



*Cống dẫn nước California là một phần quan trọng của cơ sở hạ tầng tại tiểu bang này.*

pháp lý công nhận các quyền tài sản tư nhân, và luật pháp liên bang tạo ra sự thống nhất về chính sách thương mại giữa các tiểu bang với nhau.

Hạ tầng giao thông vận tải nối kết các vùng miền của đất nước. Chỉ riêng chính phủ liên bang đã có đủ quyền hạn và tiền vốn để khởi động dự án cơ sở hạ tầng lớn nhất của thế kỷ 19 - đường ray xe lửa xuyên lục địa đầu tiên. Hai công ty được giao nhiệm vụ xây dựng tuyến đường trong những năm của thập niên 1860, băng qua sa mạc và núi non với công lao động của 10.000 công nhân, bao gồm cả những người định cư châu Âu, những nô lệ được giải phóng và người nhập cư Trung Quốc.

Lần đầu tiên trong lịch sử, tuyến đường sắt đã thống nhất toàn bộ đất nước, nối các bờ biển với nhau.

Ngũ cốc, than đá để sản xuất thép và khí đốt chiếu sáng, đồng, quặng sắt, dầu lửa, gỗ, quần áo để để cung cấp cho các cửa hàng bách hóa mới ở các thành phố và các doanh nghiệp bán lẻ đặt hàng qua thư, thực phẩm - kể cả trái cây trong các xe lạnh mới được phát minh ra - tất cả đều có thể đi khắp nơi trong đất nước để tìm kiếm thị trường.

Thế kỷ 20 là thời đại của ô tô và xe tải. Đến năm 1925, một tuyến đường 5.456 km mang tên Quốc lộ Lincoln chạy dài khắp đất nước từ New York đến San Francisco. Bắt đầu vào những năm của thập kỷ 1950, chính quyền liên bang đã khởi



*Hệ thống đường cao tốc liên tiểu bang hỗ trợ cho các xe tải trở thành đối thủ của ngành đường sắt trong việc vận tải hàng hóa.*

công xây dựng hệ thống xa lộ liên tiểu bang hiện đại có các đường chuyên dụng.

Hiện nay, tổng chiều dài các đường cao tốc liên tiểu bang lên tới 75.440 km. Các con đường này làm tăng tốc di chuyển của các cư dân thành phố đến các vùng ngoại ô, khuyến khích sự mở rộng ngành công nghiệp từ các thành phố lớn phía Bắc ra các thành phố ở miền Nam và Tây, và đưa ngành công nghiệp vận tải đường bộ trở thành một đối thủ của ngành đường sắt trong vận tải hàng hóa.

Điện tín và sau đó là điện thoại cũng đã kết hợp để gắn kết quốc gia. Nhưng chính ngành phát thanh truyền hình - đầu tiên là đài phát thanh và sau đó là truyền hình - đã tạo ra được lượng khán thính giả khắp đất nước, tạo ra một văn hóa phổ biến hơn, và một thị trường kinh tế thực sự. Những người Mỹ sống cách nhau hàng ngàn dặm có thể cùng một lúc biết được những sự kiện trong nước và toàn cầu.

Ngành phát thanh truyền hình tại Mỹ đã phát triển theo một mô hình sở hữu tư nhân, quản lý công cộng. Trong khi đài phát thanh và truyền hình được cấp phép bởi chính phủ liên bang với một yêu cầu là phục vụ cho lợi ích công cộng, thì phần lớn các đài phát thanh, truyền hình được vận hành để tạo ra lợi nhuận cho các chủ sở hữu thuộc khu vực tư nhân nhờ bán thời gian quảng cáo.

Những cải tiến vô hạn trong lĩnh vực thiết bị viễn thông sử dụng Internet đang tạo ra hàng loạt cơ hội cho người sử dụng trong việc thu thập thông tin, làm việc và duy trì liên hệ xã hội trên cả nước và trên toàn thế giới.

## **Vai trò của Chính phủ**

Người Mỹ từ lâu đã tranh luận về vai trò thích hợp của chính phủ trong nền kinh tế. Năm 2010, cuộc tranh luận tập trung vào các vấn đề bao gồm sự giải cứu của chính phủ đối với các tổ chức tài chính lớn và các nhà sản xuất ô tô trong cuộc suy thoái nghiêm trọng gần đây, việc mở rộng phạm vi bảo hiểm bắt buộc cho nhiều đối tượng hơn, sự quản lý tài chính chặt chẽ hơn và việc khoan dầu ngoài khơi.

Các cuộc tranh luận quay lại thời kỳ sáng lập ra đất nước. Một loạt các loại thuế áp đặt bởi người Anh đã giúp châm ngòi cuộc chiến tranh cách



mạng năm 1775. Alexander Hamilton, Bộ trưởng Bộ Tài chính đầu tiên của Mỹ, đã thành công trong việc thiết lập một ngân hàng trung ương quốc gia nhưng đã thất bại trong chiến dịch vận động cho một chính sách của liên bang thúc đẩy các ngành công nghiệp có tầm quan trọng chiến lược. Điều lệ ngân hàng trung ương được phép hết hạn vào năm 1830; Mỹ đã không có ngân hàng trung ương từ đó cho đến khi thành lập Quỹ dự trữ liên bang năm 1913.

Chính phủ can thiệp vào nền kinh tế theo ít nhất bốn cách:

- Cung cấp hàng hóa và dịch vụ như đường giao thông, giáo dục, an toàn công cộng, quốc phòng.
- Chuyển thu nhập giữa các nhóm người, nhất là cho những người về hưu từ những công nhân trẻ tuổi thông qua các chương trình an sinh xã hội và chăm sóc y tế.
- Thu các loại thuế và vay mượn tiền để chi tiêu.
- Điều tiết các hoạt động kinh doanh.

Chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương ngay từ đầu đã thực hiện điều tiết nền kinh tế, can thiệp tích cực cho các lợi ích của các khu vực cụ thể, các ngành công nghiệp và cá nhân. Phạm vi và mức độ điều tiết của chính phủ đã luôn là nguồn gốc của nhiều tranh cãi.

Các quy định pháp lý để biện minh cho sự điều tiết kinh tế của chính quyền liên bang căn cứ trên một vài phần của Điều I của

*Chủ tịch Cục Dự trữ liên bang Ben Bernanke, trái, và Bộ trưởng Tài chính Tim Geithner được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách tiền tệ và kinh tế của liên bang.*



Hiến pháp Mỹ. Những quy định này cho phép Quốc hội có thẩm quyền thu thuế, đi vay bằng uy tín quốc gia, trả các khoản nợ của chính phủ liên bang, tạo ra một đồng tiền Mỹ và điều tiết giá trị của đồng tiền ấy, thiết lập luật điều chỉnh phá sản và cấp quốc tịch cho những người nhập cư và cấp bản quyền tác giả.

Ngôn ngữ phổ biến nhất - và cũng gây nhiều tranh cãi nhất - nằm tại Điều I, Mục 8, trong đó cho phép Quốc hội "được điều tiết thương mại với nước ngoài, và giữa các tiểu bang, và với các bộ lạc người da đỏ".

Toà án đã giải thích "điều khoản thương mại" của Hiệp pháp một cách hạn hẹp vào thế kỷ 19. Sau đó, với sự đồng ý của tòa án, chính phủ liên bang đã giải thích các điều khoản để biện minh cho các chương trình sâu

rộng mà những bậc lập quốc có lẽ không bao giờ tưởng tượng ra. Ví dụ, vào năm 1960, các tòa án đã khẳng định các luật về quyền dân sự chống lại sự phân biệt chủng tộc trên cơ sở Quốc hội có quyền điều tiết thương mại giữa các tiểu bang. Bắt đầu từ những năm của thập kỷ 1990, một số quy định của tòa án lại một lần nữa mong muốn thu hẹp phạm vi của điều khoản thương mại trực tiếp liên quan tới các hoạt động kinh tế.

Trong vòng đời của một doanh nghiệp Mỹ, bước đầu tiên bị điều chỉnh ít nhất. Một doanh nhân cố gắng thành lập một doanh nghiệp mới chỉ cần đăng ký với cơ quan thuế của tiểu bang. Những người làm tại các ngành nghề cụ thể như y học và pháp luật có thể phải cần một giấy phép, thường sẽ được trao sau khi vượt qua một cuộc kiểm tra toàn diện, nhưng khởi nghiệp một công ty thì không cần phải có giấy phép.

## Sự dễ dàng kinh doanh tại các nước G-20

(Xếp hạng trong số 183 nền kinh tế, tháng 6 năm 2008 đến tháng 5 năm 2009)

4	Hoa Kỳ
5	Anh
7	Canada
10	Úc
11	Arập Xêút
16	Hàn Quốc
18	Nhật Bản
22	Đức
26	Pháp
34	Nam Phi
35	Mêhicô
65	Thổ Nhĩ Kỳ
79	Trung Quốc
80	Italia
115	Achentina
121	Indônêxia
123	Nga
127	Braxil
134	Ấn Độ

Nguồn: Ngân hàng Thế giới

## ***Điều tiết tài chính***

Một số tổ chức tài chính Mỹ chịu sự điều tiết của chính phủ, còn một số lại không. Các ngân hàng là những tổ chức tài chính của Mỹ chịu sự điều tiết cao nhất. Kể từ những năm của thập kỷ 1860, chính phủ liên bang đã yêu cầu các ngân hàng quốc gia phải duy trì dự trữ đủ vốn, một biện pháp được thiết kế để ngăn chặn cho vay rủi ro quá đáng. Kể từ cuộc Đại suy thoái của những năm 1930, chính phủ đã đảm bảo tiền gửi ngân hàng đạt một mức quy định (hiện nay là 250.000 đô-la/người gửi/ngân hàng).

Các tổ chức tài chính quản lý các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, và các công cụ khác không thuộc đối tượng chịu nhiều điều tiết như các ngân hàng Mỹ. Chính phủ yêu cầu các công ty này công bố đầy đủ cho các nhà đầu tư các rủi ro đầu tư nhưng không ngăn cản các nhà đầu tư trong việc chấp nhận rủi ro quá mức, không đảm bảo các khoản đầu tư và chủ yếu dựa vào sự tự điều tiết của ngành.

Cơ bản không bị điều tiết là một số các hoạt động tài chính phi ngân hàng khác, bao gồm thị trường phái sinh mua bán thẳng, thị trường ngoại hối, hoạt động bán trái phiếu kho bạc thứ cấp của Mỹ, những tổ chức cho vay thế chấp phi ngân hàng và các quỹ phòng hộ.

Không có doanh nghiệp hợp pháp nào tại Mỹ thoát được một số điều tiết của chính phủ. Các luật được thông qua bởi Quốc hội và các quy định được thông qua bởi các cơ quan hành chính có thẩm quyền theo quy định của Quốc hội đều cố gắng ngăn chặn các doanh nghiệp thực hiện quyền độc quyền hoặc hoạt động gian lận. Các quy định tài chính nhằm mục đích bảo vệ tiền tiết kiệm và đầu tư của người dân khỏi sự quản lý doanh nghiệp yếu kém hay các hoạt động vô đạo đức [Xem thanh bên về các quy định tài chính]. Các quy định về y tế và an toàn được thiết kế để bảo vệ công chúng khỏi các thực phẩm, dược phẩm, đồ chơi, ô tô, máy bay và các sản phẩm dịch vụ không an toàn. Có một bộ luật và quy chế khác bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của công nhân khi làm việc. Các quy định khác cân bằng quyền lợi của người lao động và sử dụng lao động. Tại hầu hết các tiểu bang công nhân được coi là nhân viên "tùy ý", có nghĩa là họ có thể bị sa thải ra bất cứ khi nào người sử dụng lao động muốn - ngoại trừ một vài trường hợp hạn chế. Theo luật liên bang, công nhân có thể không bị sa thải vì các lý do chủng tộc, giới tính, tuổi tác hay thiên hướng tình dục. Một bộ luật "thối còi" bảo vệ các nhân viên khi họ tiết lộ hoạt động bất hợp pháp của chủ sử dụng lao động.

Quốc hội năm 1898 đã cho phép công nhân có quyền tổ chức công đoàn lao động và cho phép sự hòa giải của chính phủ đối với các mâu thuẫn giữa lao động và người quản lý. Trong cuộc Đại suy thoái, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Quan hệ Lao động Quốc gia năm 1935 (thường được gọi là Đạo luật Wagner) mà cụ thể hơn là đặt ra các quyền của hầu như mọi công nhân trong khu vực tư nhân trong việc hình thành các công đoàn lao động, thương lượng với người quản lý về tiền lương và điều kiện làm việc và trong việc đình công nhằm đạt được các yêu sách của công nhân. Đạo luật Tiêu chuẩn Lao động Công bằng được thông qua năm 1938 quy định mức lương tối thiểu trên toàn quốc, cấm các hình thức lao động trẻ em áp bức và quy định về thù lao làm thêm giờ trong một số ngành nghề.

Việc thực thi luật chống độc quyền của Mỹ (hoặc luật cạnh tranh) hơn một thế kỷ đã phản ánh cuộc tranh luận ngày càng tăng đối với sự điều tiết của chính phủ. Đến cuối thế kỷ 19, những lo ngại về quyền lực kinh tế đã tập trung chĩa mũi nhọn vào các công ty độc quyền kiểm soát thương mại tại

hiều ngành công nghiệp như dầu mỏ, thép và thuốc lá, các công ty độc quyền thường che dấu một cách bí mật các hoạt động của mình vì những lợi ích sở hữu bí ẩn.

Các công ty độc quyền thường lấy hình thức "tơ rớt", trong đó các cổ đông trao quyền kiểm soát công ty cho một ban quản trị để đổi lấy một phần lợi nhuận dưới hình thức cổ tức. Hơn 2.000 các công ty sáp nhập được thực hiện từ năm 1897 đến hết năm 1901. Năm sau, Theodore Roosevelt trở thành tổng thống và bắt đầu một chiến dịch "phá bỏ tơ rớt" nhằm vào những gì ông gọi là "kẻ gian tà đại phú"

Dưới bàn tay của Roosevelt và người kế nhiệm, William Howard Taft, chính phủ liên bang đã thắng các vụ kiện chống độc quyền khiến hầu hết các công ty độc quyền lớn bị phá vỡ, trong đó có tơ rớt dầu lửa tiêu chuẩn của Rockefeller; Công ty chứng khoán miền Bắc của J.P. Morgan, công ty đã thống trị ngành đường sắt ở miền Tây Bắc và Công ty độc quyền thuốc lá Mỹ của James B. Duke.

Thẩm quyền chống độc quyền chính của chính phủ nằm ở hai bộ luật. Đạo luật chống độc quyền Sherman năm 1890 chuyên phục vụ việc chống các âm mưu giữa các công ty nhằm sửa giá và hạn chế thương mại; nó cũng trao quyền cho chính quyền liên bang trong việc chia nhỏ các công ty độc quyền thành các công ty nhỏ hơn để thúc đẩy cạnh tranh. Đạo luật Clayton năm 1914 quy định các hoạt động chống cạnh tranh và các hành vi bất bình đẳng một cách cụ thể hơn và cho phép chính phủ có quyền ngăn chặn việc sáp nhập các công ty có nguy cơ làm suy yếu sự cạnh tranh. Còn có thêm các đạo luật liên bang khác chuyên sử dụng cho các ngành cụ thể.

### **Đánh giá nhận thức về tham nhũng tại các nền kinh tế G-20 năm 2010**

(Xếp hạng trong số 178 nền kinh tế được đánh giá từ thấp đến cao)

6	Canada
8	Úc
15	Đức
17	Nhật
20	Anh
22	Mỹ
25	Pháp
39	Hàn Quốc
50	Arập Xêút
54	Nam Phi
56	Thổ Nhĩ Kỳ
67	Italia
69	Braxin
78	Trung Quốc
87	Ấn Độ
98	Mêhicô
105	Achentina
110	Indônêxia
154	Nga

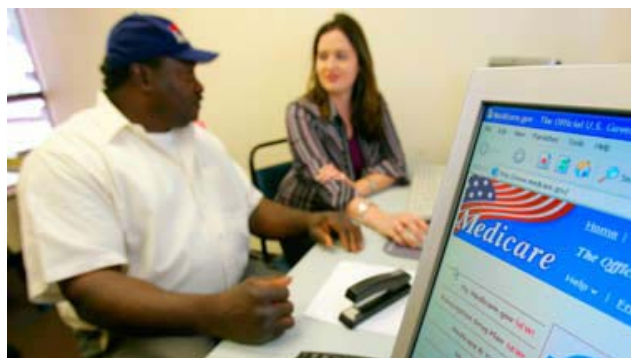
**Nguồn: Tổ chức Minh bạch Quốc tế**

Trong việc quyết định mức độ tham gia bảo vệ cạnh tranh của chính phủ, tâm điểm ngay từ đầu đã tập trung vào hành vi của các công ty chi phối, chứ không chỉ tập trung đơn thuần vào quy mô hay quyền lực của chúng. Năm 1911, Tòa án tối cao đã đặt ra "quy tắc lý do", phát biểu rằng chỉ những hạn chế một cách bất hợp lý của thương mại - những hạn chế không có mục đích kinh tế rõ ràng - mới bị xem là bất hợp pháp theo Đạo luật Sherman. Một công ty giành được quyền lực độc quyền bằng cách sản xuất các sản phẩm tốt hơn hoặc tuân theo các chiến lược tốt hơn sẽ không phải đối mặt với hình phạt chống độc quyền.

Tuy nhiên, trong cuộc Đại suy thoái, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Robinson-Patman nhằm duy trì sự cân bằng giữa một bên là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp bán lẻ, và một bên là các doanh nghiệp nhỏ trên toàn quốc. Tư tưởng chủ đạo cho rằng luật pháp cần bảo đảm một sự cân bằng cạnh tranh bằng cách kiểm chế các công ty có sức mạnh thống trị bất chấp hành vi của họ đã được củng cố bởi các quyết định của tòa án vào những năm của thập niên 1970. Đỉnh cao của xu hướng này là việc chính phủ liên bang theo đuổi các vụ án chống độc quyền chống lại Công ty IBM, nhà sản xuất máy tính lớn nhất tại thời điểm đó, và Công ty AT & T, công ty điện thoại độc quyền trong nước.

Vào những năm của thập niên 1980, dưới thời Tổng thống Ronald Reagan, chính phủ liên bang đã lèo lái chính sách cạnh tranh của mình để phù

hợp với triết lý của các học giả Đại học Chicago, như nhà kinh tế đoạt giải Nobel Milton Friedman. Theo học thuyết của "Trường phái Chicago", việc thực thi luật chống độc quyền của chính phủ thường không thúc đẩy cạnh tranh. Những người ủng hộ trường



*Chính phủ liên bang chuyển thu nhập từ những người làm việc cho những người cao tuổi thông qua các chương trình như An sinh xã hội và Medicare.*

phái Chicago khẳng định rằng các lực lượng thị trường tự điều tiết hầu như luôn khôi phục sự cạnh tranh.

Chính quyền của mỗi tổng thống lại áp dụng luật chống độc quyền với mức độ mạnh yếu khác nhau. Ví dụ, dưới thời Tổng thống Bill Clinton trong thập niên 1990, Bộ Tư pháp đã truy tố Công ty Archer Daniels Midland (ADM) với cáo buộc tội âm mưu bắt tay với các đối tác châu Á để độc quyền bán sản phẩm thức ăn chăn nuôi và một số phụ gia. Cuối cùng, ba giám đốc điều hành của ADM đã phải vào tù, và công ty này phải nộp phạt 100 triệu đô-la.

Năm 1998, Chính quyền Clinton cũng tiến hành một vụ kiện chống lại Công ty Microsoft, là công ty kiểm soát hầu hết các thị trường phần mềm hệ điều hành máy tính cá nhân.

Khi Microsoft tích hợp phần mềm trình duyệt Internet Explorer vào hệ điều hành thống trị Windows của mình, các nhà điều tiết luật chống độc quyền đã cáo buộc Microsoft lợi dụng sức mạnh thị trường của mình đối với hệ điều hành để thống trị thị trường trình duyệt.

Một thẩm phán liên bang đã ra quyết định chống lại Microsoft, nhưng một tòa án phúc thẩm đã bác bỏ quyết định đó. Theo quan điểm của thẩm phán tòa phúc thẩm, việc Microsoft cung cấp phần mềm trình duyệt miễn phí, trong khi làm tổn thương các đối thủ cạnh tranh nhỏ hơn, thì lại làm lợi cho người tiêu dùng và cho phép sự đổi mới mà cuối cùng thúc đẩy cạnh tranh kinh tế. Tổng thống George W. Bush đã ra lệnh Bộ Tư pháp dừng vụ án chống lại Microsoft.

Cuộc suy thoái nghiêm trọng bắt đầu cuối năm 2007 đã phá vỡ niềm tin của nhiều người rằng thị trường đang tự điều chỉnh và không cần thiết phải có sự điều tiết. Tổng thống Barack Obama cam kết sẽ thực thi mạnh mẽ luật chống độc quyền. Bộ Tư pháp của ông đã truy tố một số hãng vận tải hàng không nước ngoài và một số nhà sản xuất màn hình tinh thể lỏng châu Á, thu về hơn 1 tỷ đô-la tiền phạt năm 2009, số tiền cao thứ hai so với tổng số tiền thu được mỗi năm của các năm trước đó.

Toàn cầu hóa nhanh cũng khiến luật cạnh tranh phải được xem xét lại. Thị trường trong nước của Mỹ ngày càng ít đi; các nhà sản xuất của Mỹ ngày càng phải cạnh tranh với các công ty nước ngoài hoạt động dưới các chế

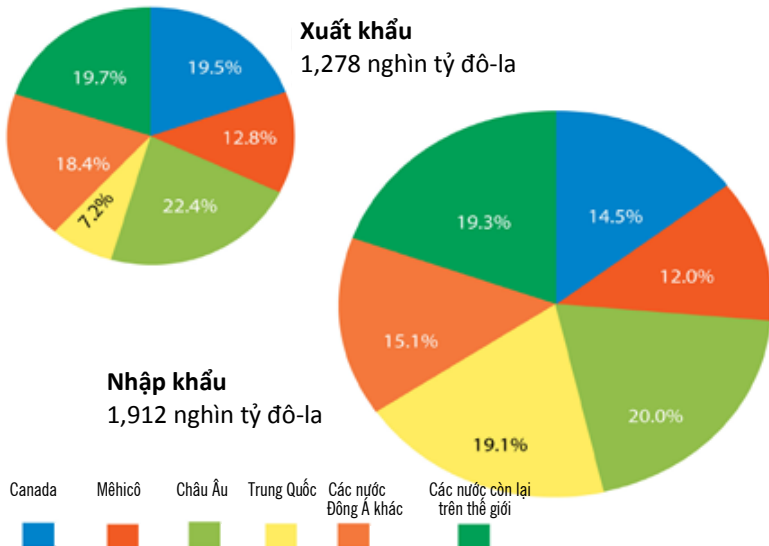
độ điều tiết khác nhau. Trong hơn một thập kỷ qua, Bộ Tư pháp Mỹ đã ký kết các hiệp định hợp tác với các cơ quan chống độc quyền nước ngoài. Một thỏa thuận như vậy được ký với Bộ Tư pháp Nga vào năm 2009 và Bộ Tư pháp cũng đã bắt đầu hợp tác với các cơ quan phụ trách về cạnh tranh mới thành lập ở Trung Quốc và Ấn Độ.

## Liên hệ với thế giới

Thương mại gắn bó chặt chẽ nền kinh tế Mỹ với các nền kinh tế khác trên thế giới. Năm 2010, doanh thu xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Mỹ lên đến 1,8 nghìn tỷ đô-la, bằng khoảng 12,5% GDP; nhập khẩu của Mỹ còn cao hơn nhiều, đạt 2,3 nghìn tỷ đô-la. Người Mỹ nhập siêu hàng hóa và dịch vụ nhiều năm, dẫn tới nợ nước ngoài ngày càng tăng. Thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ năm 2010 là 470 tỷ đô-la, mặc dù đã giảm so với mức 706 triệu đô-la tại đỉnh cuộc suy thoái năm 2008, những vẫn cao hơn năm lần so với Tây Ban Nha, đất nước có thâm hụt lớn thứ hai thế giới.

### Thương mại hàng hóa Mỹ theo khu vực năm 2010

Phần trăm



Nguồn: Bộ thương mại Mỹ



Các đợt giao dịch tài chính khổng lồ lưu thông hằng ngày khắp các biên giới nước Mỹ. Cuối năm 2009, các công ty và cá nhân người Mỹ đã có mức đầu tư trực tiếp (cổ phần phi chứng khoán) vào các công ty ngoài nước Mỹ lớn hơn bất kỳ quốc gia nào khác trên thế giới. Tương tự, các công ty Mỹ cũng nhận được đầu tư nước ngoài lớn nhất thế giới.

Sản lượng xuất khẩu hàng hóa của Mỹ năm 2010 lên tới 1,3 nghìn tỷ đô-la. Các mặt hàng xuất khẩu hàng đầu là ô tô và phụ tùng ô tô (112 tỷ đô-la), máy bay dân dụng và động cơ máy bay (53 tỷ đô-la), dược phẩm (47 tỷ đô-la) và bán dẫn (47 tỷ đô-la). Sản lượng xuất khẩu hoá chất tăng thêm 67 tỷ đô-la. Các đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ năm 2010 là Canada, Trung Quốc, Mê-xi-cô, Nhật Bản, và Đức.

Năm 2010, Mỹ vẫn là nước xuất khẩu nông nghiệp hàng đầu thế giới, với sản lượng hàng hóa xuất khẩu đạt trị giá kỷ lục 116 tỷ đô-la. Bộ trưởng Nông nghiệp Tom Vilsack phát biểu: "Lần đầu tiên, Trung Quốc nổi lên như một thị trường hàng đầu cho sản phẩm nông nghiệp của Mỹ, với doanh số bán đạt 17,5 tỷ đô-la. Canada đứng thứ hai với 16,9 tỷ đô-la". Khoảng một phần ba diện tích thu hoạch của Mỹ được xuất khẩu.

Tổng sản lượng hàng hóa nhập khẩu của Mỹ trong năm 2010 lên tới 1,9 nghìn tỷ đô-la. Nhưng sản lượng nhập khẩu lớn nhất là dầu thô, đạt 252 tỷ đô-la, giảm xuống từ mức 342 tỷ đô-la năm 2008 do suy thoái kinh tế. Các mặt hàng xuất khẩu hàng đầu khác là ô tô và phụ tùng ô tô (225 tỷ đô-la), dược phẩm (\$ 85 tỷ USD), và phụ kiện máy tính (61 tỷ đô-la).

Sản lượng xuất khẩu dịch vụ năm 2010 chiếm 30% tổng sản lượng xuất khẩu của Mỹ; hơn 30% tổng sản lượng xuất khẩu liên quan tới du lịch và vận tải. Sản lượng nhập khẩu dịch vụ, kể cả



*Mỹ tiếp tục là một nước xuất khẩu nông sản đứng đầu thế giới.*

vận tải hàng hóa trên các tàu và máy bay nước ngoài năm 2010 lên tới 394 tỷ đô-la.

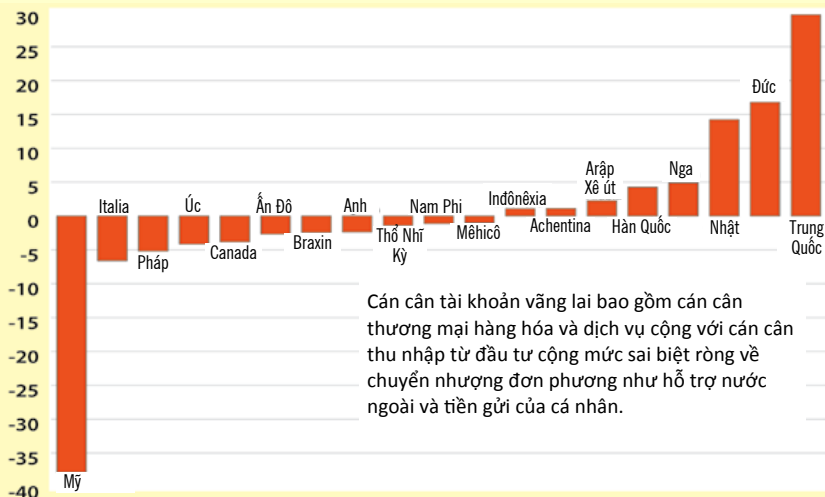
Nền kinh tế Mỹ là một trong những nền kinh tế mở nhất đối với thương mại và đầu tư từ nước ngoài, nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Thuế quan cao kỷ lục áp dụng theo Đạo luật Smoot-Hawley năm 1930 đã khiến các đối tác thương mại của Mỹ đánh thuế quan trả đũa và, theo quan điểm của nhiều học giả, nó đã làm cuộc Đại suy thoái trên toàn thế giới trầm trọng hơn.

Kể từ thế chiến II đến nay, Mỹ trở thành nước tiên phong vận động cho thương mại tự do. Trong các cuộc đàm phán Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) và, từ năm 1995 đến nay là các cuộc đàm phán cho Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Mỹ đã thúc đẩy cắt giảm thuế quan và các rào cản phi thuế quan.

Khi phản ánh về sự thay đổi trong chính sách, Ngoại trưởng Mỹ Cordell Hull phát biểu năm 1948 rằng thương mại tự do "đưa tới hòa bình; trong khi thuế quan, các rào cản thương mại cao cùng sự cạnh tranh kinh tế không công bằng đem đến chiến tranh. ...nếu chúng ta có thể làm

### Cán cân tài khoản vãng lai của các nước G-20 năm 2009

ĐVT: tỷ đô-la



Nguồn: CIA World Factbook

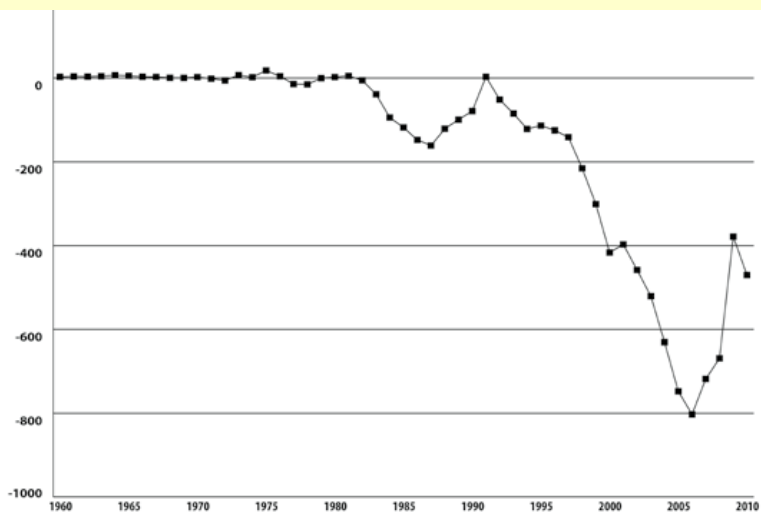
thương mại trở nên tự do hơn....để cho nước này không quá ghen tị với nước khác và đời sống nhân dân của các nước được gia tăng, xóa bỏ được sự bất mãn về kinh tế là nguồn gốc của chiến tranh, thì chúng ta có thể có một cơ hội làm hòa bình tồn tại dài lâu”.

Tuy nhiên, các cuộc đàm phán thương mại đã trở nên ngày một khó khăn hơn. Một vòng đàm phán WTO được khởi động tại Doha, Qatar năm 2001 đã bị đình trệ tới 9 năm do những bất đồng lớn giữa các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế mới nổi xung quanh một loạt các vấn đề trợ cấp nông nghiệp. Tại một hội nghị tháng 6 năm 2010 ở Toronto, các nhà lãnh đạo G-20 đã bãi bỏ những bất đồng trước đó, đưa ra một ngày cụ thể để hoàn tất các cuộc đàm phán.

Mỹ đã đàm phán một số hiệp định tự do thương mại với các đối tác từ suốt năm 1990 tới 2005. Các hiệp định lớn nhất - với Canada, Mexico, và Trung Mỹ (NAFTA và CAFTA) - vẫn còn gây tranh cãi về mặt chính trị tại Mỹ. Các hiệp định tự do thương mại sau đó do chính quyền của Tổng thống George W. Bush đàm phán với Panama, Columbia và Hàn Quốc vẫn tiếp tục phải chờ sự phê duyệt của Quốc hội.

### Cán cân tài khoản vãng lai của Mỹ trong giai đoạn 1960-2010

ĐVT: Tỷ đô-la



Nguồn: Bộ Thương mại Mỹ

## **Khủng hoảng tài chính**

Cuộc tranh luận có thể sẽ kéo dài nhiều thập kỷ về những hợp lực năm 2007 đã gây ra cuộc khủng hoảng tài chính dẫn đến sự suy thoái kinh tế tồi tệ nhất của Mỹ kể từ cuộc Đại suy thoái. Trong giai đoạn đầu của khủng hoảng kinh tế, nền kinh tế đã tăng trưởng trở lại sau khi Cục Dự trữ Liên bang chuyển mạnh sang giải pháp hạ thấp lãi suất. Nhưng lãi suất thấp kỷ lục năm 2008-2010 đã không châm ngòi cho sự chi tiêu ngân hàng cần thiết để nền kinh tế có thể phát triển trở lại. Một sự khác biệt giữa cuộc suy thoái gần đây nhất và cuộc suy thoái trước đó là mức độ nợ của người tiêu dùng, các doanh nghiệp và chính phủ.

Nhiều người Mỹ đã sử dụng một lượng tiền nợ đáng kể để mua nhà trong lúc giá bất động sản tăng lên mạnh mẽ. Khi giá nhà đất giảm và khách hàng vay ngừng trả tiền vay, quả bong bóng bị tan vỡ, gây sốc cho toàn bộ hệ thống tài chính. Chứng khoán dựa trên thế chấp rủi ro cao nằm ở trung tâm của cuộc khủng hoảng.

Năm 2010, Quốc hội đã thông qua và Tổng thống Obama đã ký đạo luật gọi là Đạo luật Dodd-Frank. Đạo luật này được thiết kế để:

- Ngăn chặn các ngân hàng và các công ty tài chính khác trở nên "lớn tới quá mức", khiến chính phủ buộc phải trợ giúp để chúng tồn tại.
- Cấp cho cơ quan quản lý quyền lực để tiếp quản và đóng cửa các công ty tài chính có vấn đề theo một cách có trật tự trước khi chúng đe dọa sự ổn định kinh tế.
- Ngăn cấm các ngân hàng tự tham gia đầu cơ - tức là hoạt động đầu tư không xuất phát từ nhu cầu của khách hàng.
- Xác định và xử lý những rủi ro gây ra bởi các sản phẩm và thực hành tài chính phức tạp trước khi chúng đe dọa sự ổn định kinh tế.
- Cho phép Cục Dự trữ Liên bang có quyền điều tiết các doanh nghiệp phi ngân hàng như công ty bảo hiểm và các công ty đầu tư tham gia một cách chi phối các hoạt động tài chính.
- Điều tiết các hoạt động có nguy cơ rủi ro như phái sinh mua bán trực tiếp, chứng khoán dựa trên thế chấp và các quỹ bảo hiểm.
- Bảo vệ người tiêu dùng khỏi các loại phí tiềm ẩn và các hành vi lừa đảo trong lĩnh vực thế chấp, thế tín dụng và các sản phẩm tài chính khác.
- Bảo vệ các nhà đầu tư thông qua việc điều tiết nghiêm ngặt hơn hoạt động của các cơ quan đánh giá tín dụng.



*Trong suốt cuộc suy thoái kinh tế, Tổng thống Obama đã ký các đạo luật làm tăng thâm hụt ngân sách liên bang nhưng cam kết sẽ làm giảm thâm hụt trong những năm tới.*

## Một chương mới

***“Sự thật nghiệt ngã là nếu muốn kiểm soát được sự thâm hụt này chúng ta phải có sự hi sinh lớn”.***

Tổng thống Barack Obama

2010

Nước Mỹ và phần lớn các nước phát triển khác đã thoát khỏi phần tồi tệ nhất của những hậu quả có thể xảy ra liên quan tới cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008. Nhưng Mỹ và các quốc gia công nghiệp khác vẫn còn phải đối mặt với tỷ lệ thất nghiệp cao, tăng trưởng kinh tế không đạt yêu cầu và một tương lai kinh tế dễ bị tổn thương. Các hợp khẩn cấp về tài chính tại một số quốc gia châu Âu năm 2010 đã chứng minh rằng vẫn còn những bộ phận của hệ thống ngân hàng trên thế giới rất mong manh.

Dường như không thể tránh được một số kết luận. Toàn cầu hóa kinh tế, thứ đã kết nối ngân hàng và thương mại trên mọi lục địa, đã khiến một cơn bệnh của thị trường tài chính có thể lan khắp thế giới. Các nhà lãnh đạo Mỹ và các nền kinh tế lớn khác đồng ý rằng cần phải thiết lập một cơ chế giám sát và điều tiết thị trường tài chính mới để khôi phục lòng tin bị vùi dập của các nhà đầu tư tại các thị trường và phục hồi đầu tư.

Mỹ ban hành các cải cách tài chính năm 2010 nhằm nâng các yêu cầu về vốn của ngân hàng, tăng cường sự bảo vệ đối với người tiêu dùng và cho phép các nhà quản lý có thêm quyền lực để xử lý các ngân hàng lớn phải đối mặt với các nguy cơ phá sản (xem thanh bên về cải cách tài chính). Tuy nhiên, luật pháp lại để cho các nhà quản lý đưa ra những chi tiết quan trọng, và hành động của họ sẽ quyết định hiệu quả của các cuộc cải cách. Bất chấp việc công nhận rằng các nền kinh tế hàng đầu phải hài hòa hóa các quy định điều tiết ngân hàng của họ, đã có những khoảng trống lớn về thành tựu cải cách trên bình diện quốc tế tính tới cuối năm 2010.

Một hệ quả của các biện pháp khẩn cấp được thực hiện để kích thích nền kinh tế và củng cố các tổ chức tài chính bị đe dọa là một sự gia tăng mạnh mẽ về thâm hụt ngân sách liên bang.

Ủy ban Quốc gia Hai đảng về Trách nhiệm tài chính và Cải cách do Tổng thống Obama chỉ định đã kết luận vào năm 2010 rằng đất nước đã đi trên

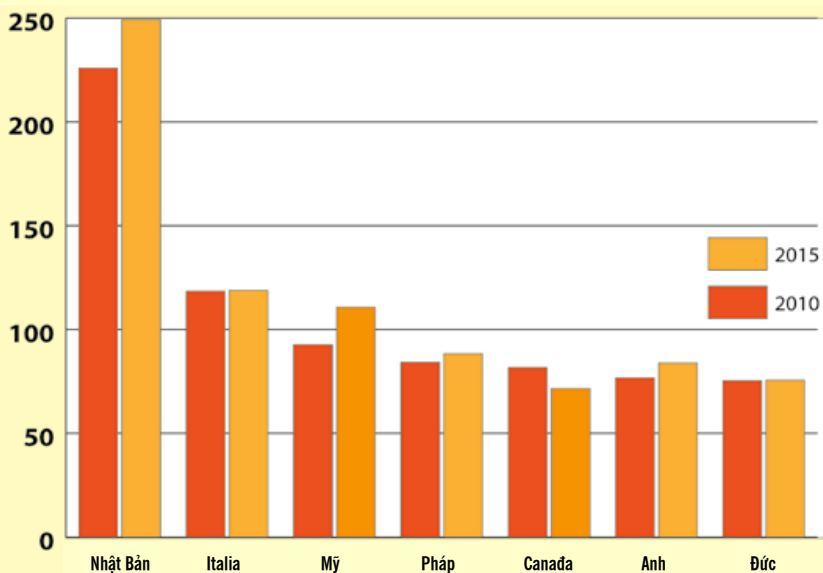
"một con đường tài chính không bền vững", bị buộc phải đi vay nhiều tiền để trang trải các thâm hụt về doanh thu. Ủy ban này báo cáo: "Kể từ lần cuối cùng ngân sách của chúng ta được cân đối vào năm 2001, nợ liên bang đã tăng lên đáng kể, từ 33% GDP đến 62% GDP vào năm 2010".

Vào những năm của thập kỷ 2000, các nhà đầu tư nước ngoài lại làm cho nợ chính phủ Mỹ tăng thêm. Vào giữa năm 2000, khoản nợ này là 1 nghìn tỷ đô-la. Tám năm sau, tổng nợ lên tới 2,7 nghìn tỷ đô-la, trong đó các ngân hàng của chính phủ nước ngoài hay các quỹ đầu tư "chủ quyền" nắm giữ phần nợ tăng nhanh nhất. Các tổ chức nước ngoài đã sử dụng tiền nhập khẩu hàng hóa sản xuất và dầu lửa để mua trái phiếu kho bạc Mỹ và các khoản nợ chính phủ Mỹ khác. Thực chất, nước Mỹ đang vay tiền từ tương lai để có tiền chi cho tiêu thụ hiện nay.

Theo nhà kinh tế Mark Zandi: "Cuộc khủng hoảng tiếp theo sẽ liên quan đến các thách thức tài chính to lớn của chính phủ liên bang".

Văn phòng Ngân sách Quốc hội dự đoán rằng thâm hụt ngân sách trong

### Nợ chính phủ tính theo phần trăm GDP



Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế

năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 sẽ tăng tới 1,5 nghìn tỷ, bằng khoảng 9,8% GDP, chủ yếu do tiếp tục cắt giảm thuế năm 2001 dự kiến kết thúc vào năm 2010.

Tổng thống Obama tuyên bố: "Sự thật nghiệt ngã là nếu muốn kiểm soát được sự thâm hụt này chúng ta phải có sự hi sinh lớn".

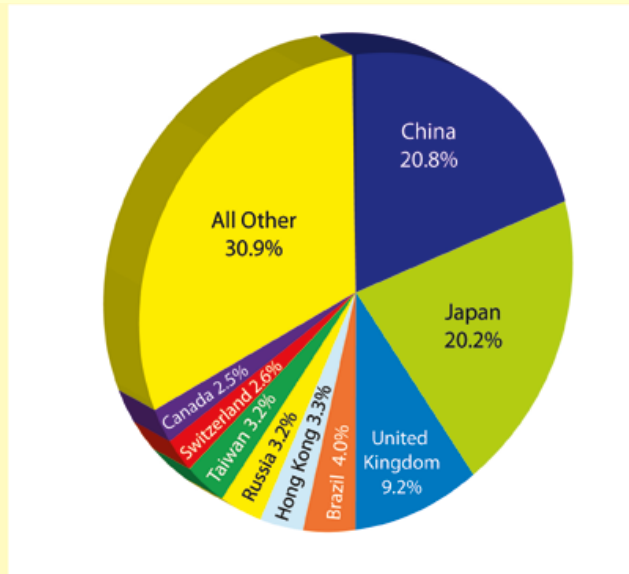
Sau các cuộc bầu cử năm 2010, đảng Cộng hòa tiếp tục kiểm soát Hạ viện, tạo ra những nguy cơ xung đột với chính quyền Obama xung quanh vấn đề phạm vi và mức độ cắt giảm chi tiêu chính phủ.

Chênh lệch ngày càng tăng trong việc phân phối lợi ích của nền kinh tế đã làm tăng thêm các rào cản chính trị đối với cải cách kinh tế trong nước và hợp tác kinh tế quốc tế. Các học giả đã xác định một số yếu tố tổng hợp khiến thu nhập và sự giàu có tập trung vào một số nhỏ dân số Mỹ.

Trong các yếu tố tổng hợp đó có: sự suy giảm về số việc làm trong ngành công nghiệp được trả lương cao và một sự chuyển dịch theo hướng tuyển dụng dịch vụ việc

làm có mức lương thấp hơn, những bất lợi về tuyển dụng ngày càng tăng đối với những công nhân ít được giáo dục trong một nền kinh tế kỹ thuật cao, và gánh nặng chi phí chăm sóc y tế ngày một tăng đối với các gia đình thu nhập thấp và trung bình ở Mỹ. Bởi vì các yếu tố này và các yếu tố khác nên mức lương trung bình của người lao động phi nông

**Các nước và vùng lãnh thổ nắm giữ khoản lớn chứng khoán kho bạc quan trọng của Mỹ**  
Tháng 7 năm 2010



Nguồn: Bộ Tài chính Mỹ



ng nghiệp Mỹ đã không tăng đáng kể từ năm 1980, sau khi trừ đi phần lạm phát.

Ngay sau cuộc bầu cử, Tổng thống Obama đã có những phản ứng quy mô lớn cấp liên bang đối với những nguy cơ này. Các kế hoạch kích thích kinh tế khổng lồ được Quốc hội Mỹ thông qua trong thời gian đầu của Chính quyền Obama đã phân phối ngân quỹ, các khoản vay và các khoản cắt giảm thuế khắp nền kinh tế sút kém của Mỹ. Kế hoạch này cũng tìm cách sử dụng ngân sách liên bang để thúc đẩy phát triển nhanh các sáng kiến năng lượng mới công nghệ tiên tiến và môi trường. Người ta hi vọng những diễn biến này sẽ tạo ra các thị trường mới trong và ngoài nước Mỹ cho các công ty Mỹ và hàng triệu công việc cho công nhân ở các trình độ khác nhau.

Chính quyền Obama đã đầu tư số tiền kỷ lục lên tới 32 tỷ đô-la dưới dạng các quỹ kích thích kinh tế và hàng tỷ đô-la khác dưới hình thức cho nợ thuế và bảo lãnh cho vay, vào các chương trình nghiên cứu và phát triển năng lượng sạch trong năm 2009 và 2010. Những khoản đầu tư này trải trên nhiều phương diện

### Tỷ lệ thất nghiệp giai đoạn 1948-2010

Phần trăm



### Số tuần trung bình không có việc làm giai đoạn 1967 - 2010



Nguồn: Bộ Lao động Mỹ

như: các lò phản ứng hạt nhân tiên tiến, phát điện năng lượng mặt trời và phong điện, pin lưu trữ tiên tiến, đồng hồ đo điện "thông minh" và thiết bị theo dõi lưới điện, sinh khối và hấp thu khí nhà kính từ các nhà máy than. Nhiều dự án kết hợp nghiên cứu từ các trường đại học của Mỹ và phòng thí nghiệm quốc gia và được hỗ trợ tài chính từ các nhà đầu tư mạo hiểm tư nhân, kèm theo khoản tài trợ của chính phủ trong sự kết hợp đặc trưng đổi mới của Mỹ.



*Năng lượng gió là một trong những loại năng lượng sạch được chính quyền Obama khuyến khích phát triển.*

Một số người Mỹ đã đặt ra những thách thức triết học và chính trị chống lại tầm nhìn này, và các cuộc tranh cãi lâu dài về sự cần thiết chính phủ phải can thiệp vào nền kinh tế lại tiếp tục diễn ra.

Các nhà quan sát lạc quan hơn cho rằng Mỹ vẫn có thể sử dụng các nguồn lực quan trọng để đối phó các thách thức trong việc đưa ra chiến lược năng lượng mới, trong đó có văn hóa kinh doanh Mỹ, chiều sâu và bề rộng của hệ thống giáo dục Mỹ và sự tự do trong việc kiếm vốn để có được lợi ích thu về cao nhất.

Áp dụng những thể mạnh thực sự này vào giải quyết các thách thức thực sự của đất nước sẽ là một thử thách lớn cho thể hệ người Mỹ hiện tại.

Nhưng cũng rõ ràng rằng người Mỹ đã phải đổi mới và vượt qua những thách thức như vậy trong quá khứ, như Tổng thống Obama nhắc nhở quốc dân trong bài phát biểu trước quốc dân năm 2011 của ông.

"Chúng ta biết cái giá phải trả để cạnh tranh trong công việc và trong các ngành công nghiệp ở thời đại chúng ta. Chúng ta cần phải ra đời mới nhiều hơn, giáo dục tốt hơn, và xây dựng tốt hơn so với phần còn lại của thế giới", Tổng thống Obama phát biểu. "Chúng ta phải biến nước Mỹ thành nơi tốt nhất để kinh doanh trên trái đất này. Chúng ta cần phải chịu trách nhiệm về thâm hụt thương mại của chúng ta và cải cách chính phủ của chúng ta. Đó là cách nhân dân chúng ta sẽ thịnh vượng. Đó là cách chúng ta sẽ giành chiến thắng trong tương lai".

Tại những thời điểm khác trong cuộc khủng hoảng, nước Mỹ đã tìm ra một con đường để tiến lên phía trước bất chấp các khía cạnh còn trục trặc của nền dân chủ. Với nhiều nguy cơ, thế kỷ mới đưa đến cho người Mỹ cơ hội để viết một chương mới về câu chuyện kinh tế của đất nước.

---

***Nguồn gốc các hình ảnh trong cuốn sách này:***

Bìa ngoài: © Getty Images.

Bìa trong và trang 1: AP Images. Trang 4: AP Images/J. Scott Applewhite. Trang 6: ©Bettmann/CORBIS. Trang 8: AP Images/Andrew Russell. Trang 9: © National Geographic/Getty Images. Trang 11: AP Images. Trang 12: AP Images. Trang 13: AP Images. Trang 14: Chris Honduras/Newsmakers/Getty Images. Trang 15: AP Images/Paul Sakuma. Trang 21: AP Images. Trang 22: AP Images/Ric Francis Trang 24: AP Images/Ric Francis. Trang 25: AP Images/Elise Amendola. Trang 26: AP Images. Trang 27-28. AP Images. Trang 30: AP Images. Trang 31: AP Images/David Zalubowski. Trang 33: AP Images/Pablo Martinez Monsivais. Trang 38: AP Images/Danny Johnston. Trang 41: AP Images. Trang 45: AP Images/J. Scott Applewhite. Trang 50: AP Images/Ed Andrieski.

**Trung tâm Hoa Kỳ**

Phòng Thông tin-Văn hóa, Đại sứ quán Hoa Kỳ

Tầng 1, Rose Garden Tower, 170 Ngọc Khánh, Hà Nội  
Tel: (04) 3850-5000; Fax: (04) 3850-5048; Email: HanoiAC@state.gov  
<http://vietnam.usembassy.gov>